



BÁO CÁO RAU QUẢ

NĂM 2024



AGRO@NFO

Báo cáo được thực hiện bởi Trung tâm Thông tin và Phát triển
Nông nghiệp Nông thôn (AGROINFO)



MỤC LỤC

I. SẢN XUẤT RAU QUẢ	4
1.1. Tình hình sản xuất một số loại rau quả thế giới	4
1.1.1. Tình hình sản xuất táo.....	4
1.1.2. Tình hình sản xuất anh đào (ngọt và chua)	5
1.1.3. Tình hình sản xuất bưởi	6
1.1.4. Tình hình sản xuất nho.....	7
1.1.5. Tình hình sản xuất chanh.....	8
1.1.6. Tình hình sản xuất cam.....	9
1.1.7. Tình hình sản xuất đào và xuân đào	10
1.1.8. Tình hình sản xuất lê.....	11
1.2. Tình hình sản xuất rau quả Việt Nam	13
1.2.1. Tình hình sản xuất chung	13
1.2.2. Tình hình sản xuất một số cây trồng chính	16
II. THƯƠNG MẠI RAU QUẢ	24
2.1. Thương mại rau quả thế giới	24
2.1.1. Xuất khẩu.....	24
2.1.2. Nhập khẩu	25
2.2. Thương mại rau quả Việt Nam	27
2.2.1. Xuất khẩu.....	27
2.2.2. Nhập khẩu	30
2.3. Doanh nghiệp xuất khẩu rau quả.....	35
III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH RAU QUẢ TRONG NĂM 2024	36
3.1. Quốc tế	36
3.2. Trong nước	41
IV. TRIỂN VỌNG NGÀNH RAU QUẢ	45
4.1. Hiện trạng tiêu dùng thế giới.....	45
4.2. Dự báo xu hướng tiêu dùng rau quả thế giới.....	47
4.3. Dự báo xu thế sản xuất của Việt Nam.....	48



DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu sản lượng táo thế giới, 2019-2025	4
Hình 2: Cơ cấu sản lượng táo thế giới niên vụ 2023/24.....	5
Hình 3: Cơ cấu sản lượng anh đào thế giới, 2019-2025	5
Hình 4: Cơ cấu sản lượng anh đào thế giới niên vụ 2023/24	6
Hình 5: Cơ cấu sản lượng bưởi thế giới, 2019-2024.....	6
Hình 6: Cơ cấu sản lượng bưởi thế giới niên vụ 2023/24	7
Hình 7: Cơ cấu sản lượng nho tươi thế giới, 2019-2024.....	7
Hình 8: Cơ cấu sản lượng nho tươi thế giới niên vụ 2023/24	8
Hình 9: Cơ cấu sản lượng chanh thế giới, 2019-2024.....	8
Hình 10: Cơ cấu sản lượng chanh thế giới niên vụ 2023/24	9
Hình 11: Cơ cấu sản lượng cam thế giới, 2019-2024.....	9
Hình 12: Cơ cấu sản lượng cam thế giới niên vụ 2023/24	10
Hình 13: Cơ cấu sản lượng đào và xuân đào thế giới, 2019-2025	11
Hình 14: Cơ cấu sản lượng đào và xuân đào thế giới niên vụ 2023/24	11
Hình 15: Cơ cấu sản lượng lê thế giới, 2019-2025	12
Hình 16: Cơ cấu sản lượng lê thế giới niên vụ 2023/24.....	12
Hình 17: Diện tích trồng rau, đậu của Việt Nam, 2018-2024	13
Hình 18: Diện tích trồng trái cây của Việt Nam, 2018-2024	14
Hình 19: Cơ cấu vùng trồng trái cây của Việt Nam năm 2023	15
Hình 20: Cơ cấu sản lượng trái cây của Việt Nam năm 2023	15
Hình 21: Diện tích sầu riêng Việt Nam giai đoạn 2018-2023.....	16
Hình 22: Sản lượng sầu riêng Việt Nam giai đoạn 2018-2023	17
Hình 23: Diện tích xoài Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023	18
Hình 24: Sản lượng xoài Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023.....	18
Hình 25: Diện tích chuối Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023	19
Hình 26: Sản lượng chuối Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023.....	19
Hình 27: Diện tích bưởi Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023.....	20
Hình 28: Sản lượng bưởi Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023	20
Hình 29: Diện tích vải Việt Nam giai đoạn 2018-2023	21
Hình 30: Sản lượng vải Việt Nam giai đoạn 2018-2023.....	21
Hình 31: Diện tích nhãn Việt Nam giai đoạn 2018-2023.....	22



Hình 32: Sản lượng nhãn Việt Nam giai đoạn 2018-2023	22
Hình 33: Diện tích khoai lang Việt Nam giai đoạn 2018-2023.....	23
Hình 34: Sản lượng khoai lang Việt Nam giai đoạn 2018-2023	23
Hình 35: Biến động giá trị xuất khẩu rau quả thế giới, 2018-2023.....	24
Hình 36: Cơ cấu giá trị xuất khẩu rau quả thế giới năm 2023	24
Hình 37: Giá trị xuất khẩu của 10 quốc gia xuất khẩu rau quả nhiều nhất thế giới, 9T/2024.....	25
Hình 38: Biến động giá trị nhập khẩu rau quả thế giới, 2018-2023	25
Hình 39: Cơ cấu giá trị nhập khẩu rau quả thế giới năm 2023.....	26
Hình 40: Giá trị xuất khẩu của 10 quốc gia xuất khẩu rau quả nhiều nhất thế giới, 9T/2024.....	26
Hình 41: Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam, 2018-2024	27
Hình 42. Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2024	28
Hình 43: Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc, 2018-2024.....	28
Hình 44: Cơ cấu chủng loại xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2024	29
Hình 45: Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam, 2018-2024.....	30
Hình 46: Cơ cấu thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam năm 2024	31
Hình 47: Cơ cấu mặt hàng rau quả nhập khẩu của Việt Nam năm 2024	32



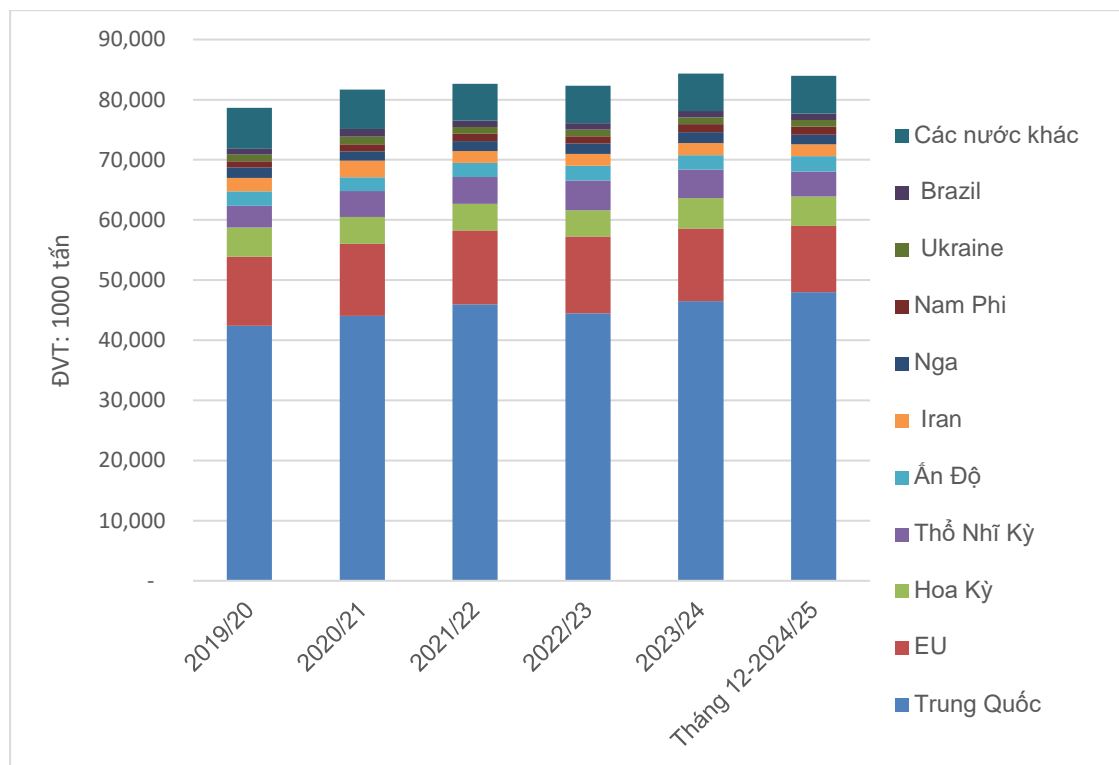
I. SẢN XUẤT RAU QUẢ

1.1. Tình hình sản xuất một số loại rau quả thế giới

1.1.1. Tình hình sản xuất táo

Theo USDA, sản lượng táo thế giới tăng liên tục trong những năm gần đây, từ 78,67 triệu tấn trong niên vụ 2019/20 tăng lên 84,3 triệu tấn trong niên vụ 2023/24, và ước đạt 83,98 triệu tấn trong niên vụ 2024/25.

Hình 1: Cơ cấu sản lượng táo thế giới, 2019-2025



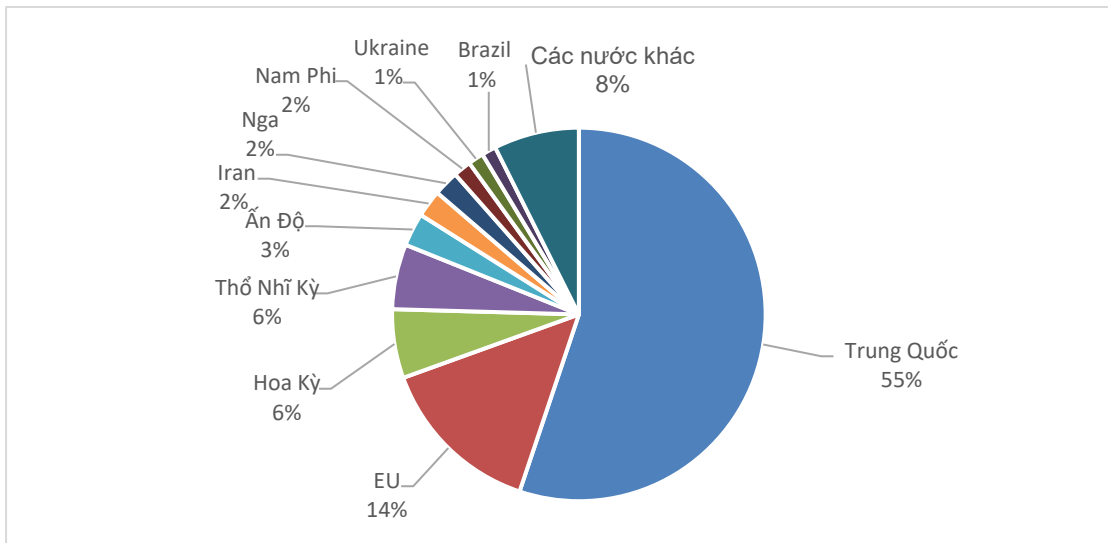
Nguồn: USDA

Trung Quốc là quốc gia sản xuất táo lớn nhất trên thế giới, sản lượng táo luôn chiếm từ 53,9%- 57,2% trong tổng sản lượng táo thế giới trong giai đoạn 2019-2025.

Tính riêng trong niên vụ 2023/24, sản lượng táo của Trung Quốc đạt khoảng 46,5 triệu tấn, chiếm 55,1% thị phần. Tiếp đến là EU đạt 12,09 triệu tấn, chiếm 14,3%; Hoa Kỳ đạt 5,03 triệu tấn, chiếm 6,0%; Thổ Nhĩ Kỳ đạt 4,75 triệu tấn, chiếm 5,6%; Ấn Độ đạt 2,41 triệu tấn, chiếm 2,9%; v.v.



Hình 2: Cơ cấu sản lượng táo thế giới niên vụ 2023/24

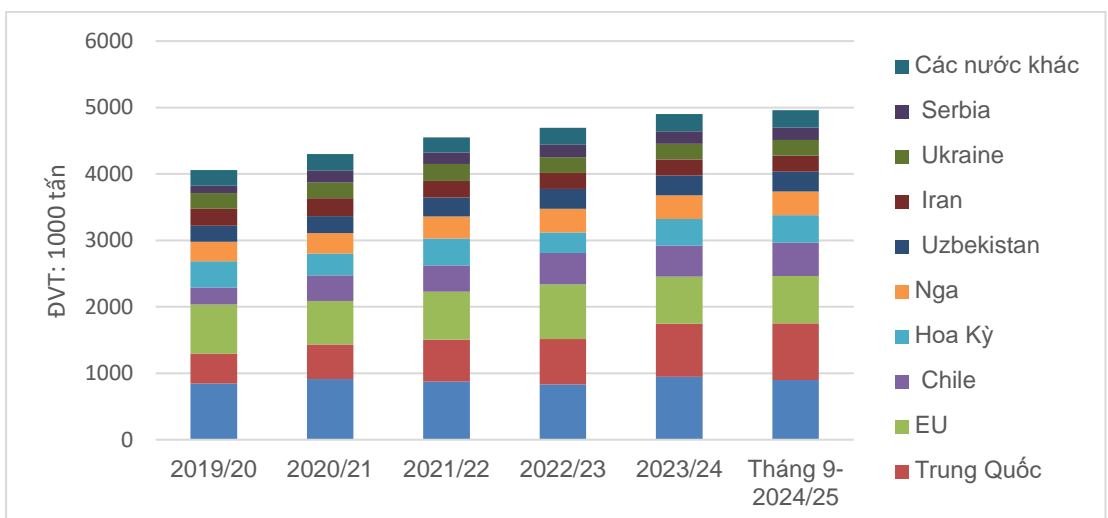


Nguồn: USDA

1.1.2. Tình hình sản xuất anh đào (ngọt và chua)

Theo USDA, sản lượng anh đào (ngọt và chua) thế giới tăng mạnh trong những năm gần đây, từ 4,06 triệu tấn trong niên vụ 2019/20 tăng lên 4,91 triệu tấn trong niên vụ 2023/24 và ước đạt 4,96 triệu tấn trong niên vụ 2024/25. Top 5 quốc gia/khu vực sản xuất anh đào lớn nhất thế giới là Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, EU, Chile, Hoa Kỳ và Nga.

Hình 3: Cơ cấu sản lượng anh đào thế giới, 2019-2025



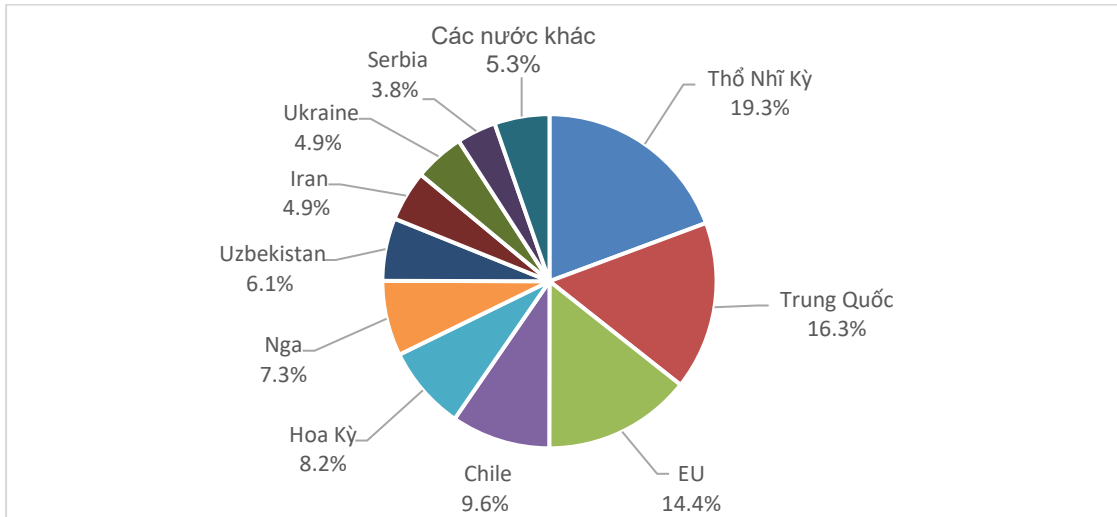
Nguồn: USDA

Trong niên vụ 2023/24, sản lượng anh đào của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 948 nghìn tấn, chiếm 19,3% tổng sản lượng anh đào thế giới. Tiếp đến là Trung Quốc đạt



800 nghìn tấn (chiếm 16,3%), EU đạt 705 nghìn tấn (chiếm 14,4%), Chile đạt 470 nghìn tấn (chiếm 9,6%); Hoa Kỳ đạt 400 nghìn tấn (chiếm 8,2%); Nga đạt 357 nghìn tấn (chiếm 7,3%), Uzbekistan đạt 298 nghìn tấn (chiếm 6,1%, v.v.

Hình 4: Cơ cấu sản lượng anh đào thế giới niên vụ 2023/24

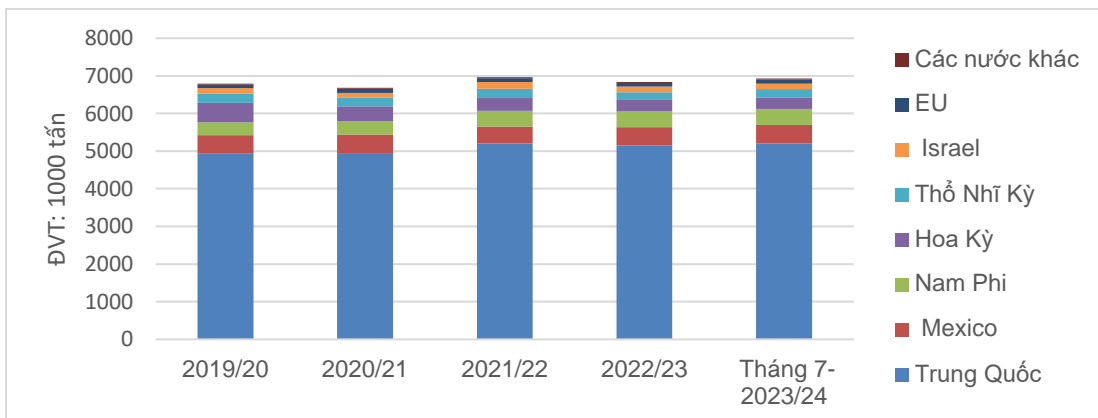


Nguồn: USDA

1.1.3. Tình hình sản xuất bưởi

Theo USDA, sản lượng bưởi thế giới tăng ổn định trong những năm gần đây, từ 6,8 triệu tấn trong niên vụ 2019/20 tăng lên 6,93 triệu tấn trong niên vụ 2023/24. Top 5 nước có sản lượng bưởi nhiều nhất thế giới là Trung Quốc, Mexico, Nam Phi, Hoa Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ. Sản lượng bưởi của 5 nước sản xuất lớn nhất thế giới luôn chiếm từ 95,6% đến 96,2% trên tổng sản lượng bưởi thế giới.

Hình 5: Cơ cấu sản lượng bưởi thế giới, 2019-2024

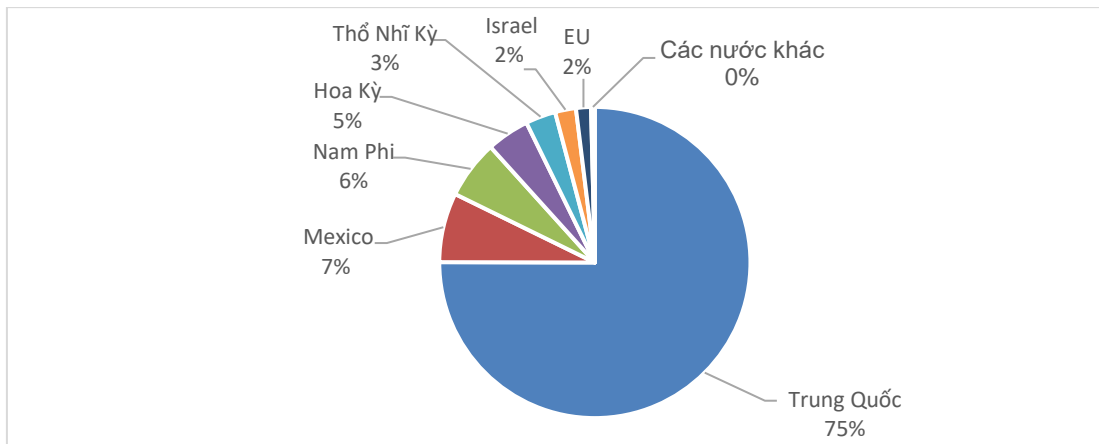


Nguồn: USDA



Tính riêng trong niên vụ 2023/24, các nước có sản lượng dưa lớn nhất là: Trung Quốc đạt 5,2 triệu tấn, chiếm 75,0%; Mexico đạt 500 nghìn tấn, chiếm 7,2%; Nam Phi đạt 420 nghìn tấn, đạt 6,1%; Hoa Kỳ đạt 308 nghìn tấn, chiếm 4,4%; v.v.

Hình 6: Cơ cấu sản lượng bưởi thế giới niên vụ 2023/24



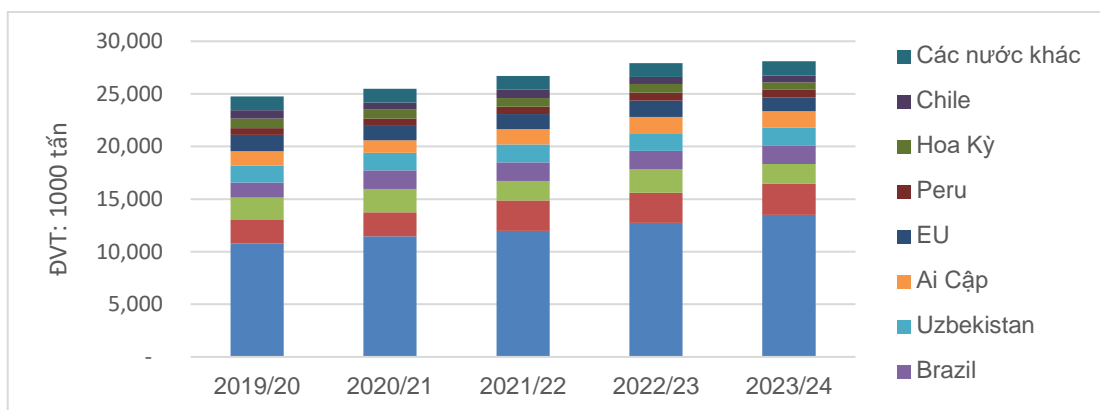
Nguồn: USDA

1.1.4. Tình hình sản xuất nho

Theo USDA, sản lượng nho tươi thế giới tăng trưởng ổn định trong những năm gần đây, từ 24,7 triệu tấn trong niên vụ 2019/20 tăng lên 28,1 triệu tấn trong niên vụ 2023/24, với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 2,6%/năm.

Top 5 quốc gia có sản lượng nho tươi lớn nhất thế giới là Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil và Uzbekistan. Sản lượng nho tươi của 5 quốc gia này luôn chiếm từ 73,4% đến 77,6% tổng sản lượng nho tươi của thế giới trong giai đoạn này.

Hình 7: Cơ cấu sản lượng nho tươi thế giới, 2019-2024

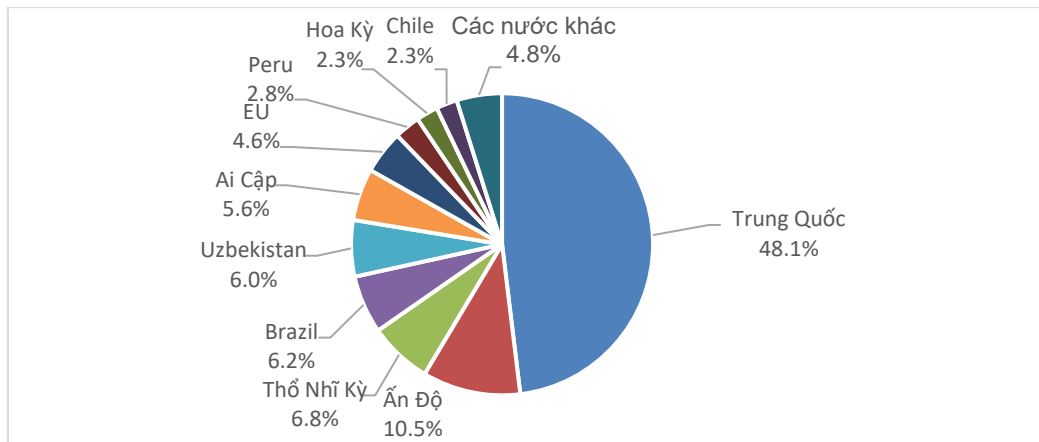


Nguồn: USDA



Tính riêng trong niên vụ 2023/24, sản lượng nho của Trung Quốc đạt 13,5 triệu tấn, chiếm 48,1% tổng sản lượng nho tươi thế giới, tiếp đến là Ấn Độ đạt 2,95 triệu tấn (chiếm 10,5%), Thổ Nhĩ Kỳ đạt 2,22 triệu tấn (chiếm 6,8%), Brazil đạt 1,75 triệu tấn (chiếm 6,2%), Uzbekistan đạt 1,7 triệu tấn (chiếm 6,0%), v.v.

Hình 8: Cơ cấu sản lượng nho tươi thế giới niên vụ 2023/24



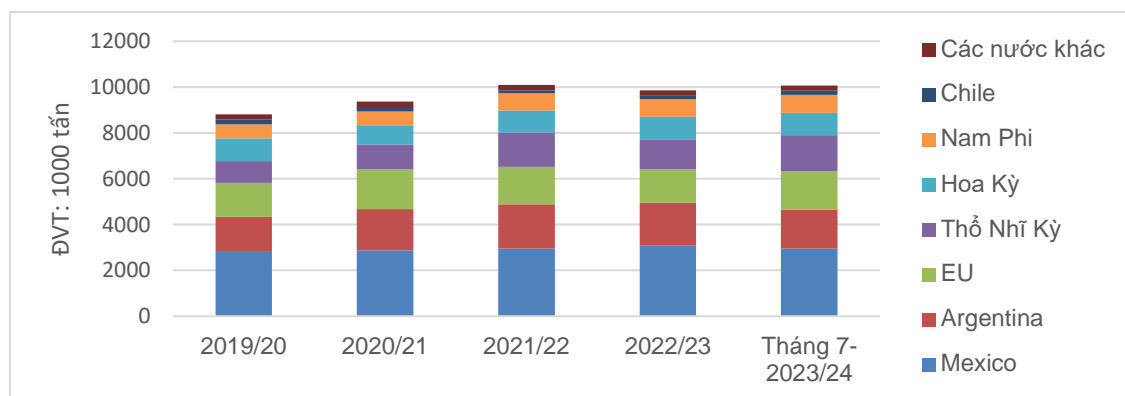
Nguồn: USDA

1.1.5. Tình hình sản xuất chanh

Theo USDA, sản lượng chanh (bao gồm chanh vàng và chanh xanh) tăng ổn định trong những năm qua, với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 2,7%/năm trong giai đoạn 2019-2024, từ 8,8 triệu tấn trong niên vụ 2019/20 tăng lên 10,0 triệu tấn trong niên vụ 2023/24.

Top 5 quốc gia/khu vực có sản lượng chanh lớn nhất thế giới là Mexico, Argentina, EU, Thổ Nhĩ Kỳ và Hoa Kỳ. Sản lượng chanh của 5 quốc gia này luôn chiếm từ 64,6% đến 68,4% tổng sản lượng chanh của thế giới trong giai đoạn này.

Hình 9: Cơ cấu sản lượng chanh thế giới, 2019-2024

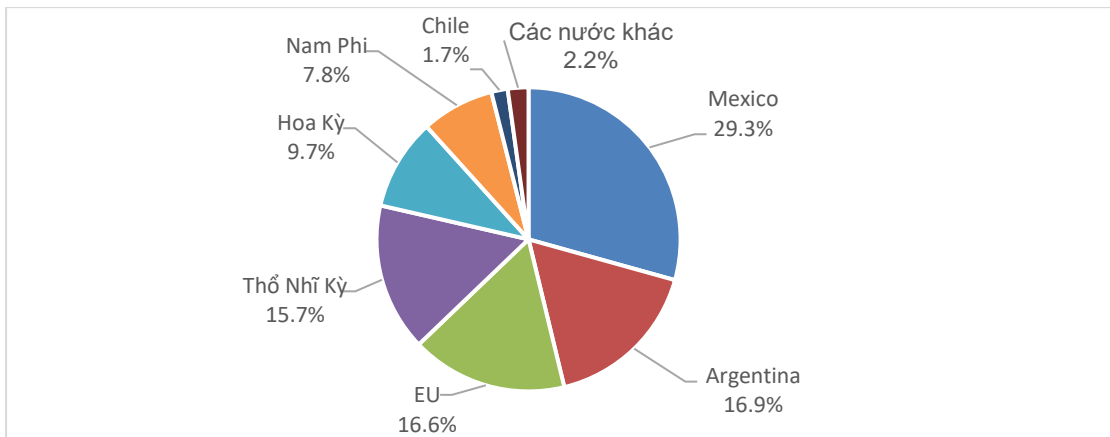


Nguồn: USDA



Tính riêng trong niên vụ 2023/24, sản lượng chanh của Mexico đạt 2,95 triệu tấn, chiếm 29,3% tổng sản lượng chanh thế giới, tiếp đến là Argentina đạt 1,7 triệu tấn (chiếm 16,9%), EU đạt 1,67 triệu tấn (chiếm 16,6%), Thổ Nhĩ Kỳ đạt 1,58 triệu tấn (chiếm 15,7%), Hoa Kỳ đạt 0,98 triệu tấn (chiếm 9,7%), v.v.

Hình 10: Cơ cấu sản lượng chanh thế giới niên vụ 2023/24



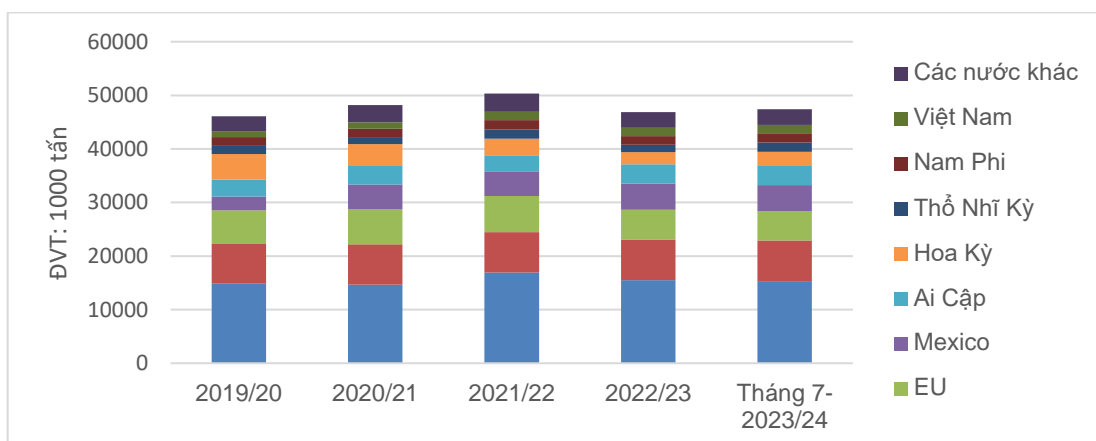
Nguồn: USDA

1.1.6. Tình hình sản xuất cam

Theo USDA, sản lượng cam thế giới tăng ổn định trong những năm qua, với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 0,6%/năm trong giai đoạn 2019-2024, từ 46 triệu tấn trong niên vụ 2019/20 tăng lên 47,4 triệu tấn trong niên vụ 2023/24.

Top 5 quốc gia/khu vực có sản lượng cam lớn nhất thế giới là Brazil, Trung Quốc, EU, Mexico và Ai Cập. Sản lượng cam của 5 quốc gia này luôn chiếm từ 74,4% đến 79,2% tổng sản lượng cam của thế giới trong giai đoạn này.

Hình 11: Cơ cấu sản lượng cam thế giới, 2019-2024

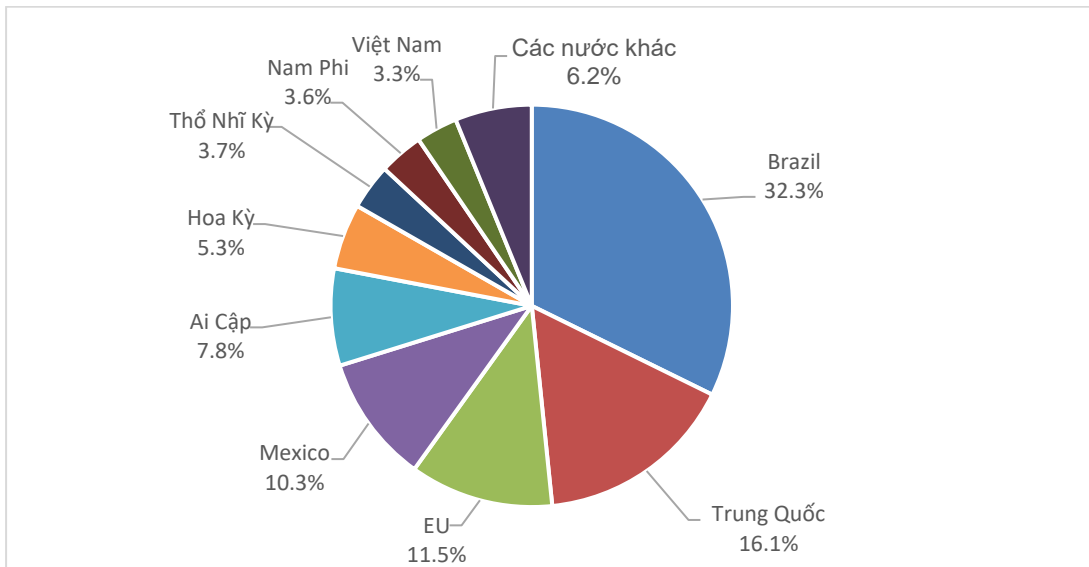


Nguồn: USDA



Tính riêng trong niên vụ 2023/24, sản lượng cam của Brazil đạt 15,3 triệu tấn, chiếm 32,3% tổng sản lượng cam thế giới, tiếp đến là Trung Quốc đạt 7,6 triệu tấn (chiếm 16,1%), EU đạt 5,48 triệu tấn (chiếm 11,5%), Mexico đạt 4,87 triệu tấn (chiếm 10,3%), Ai Cập đạt 3,7 triệu tấn (chiếm 7,8%), v.v. Việt Nam đạt 1,58 triệu tấn, chiếm 3,3% và xếp thứ 9 trên thế giới.

Hình 12: Cơ cấu sản lượng cam thế giới niên vụ 2023/24



Nguồn: USDA

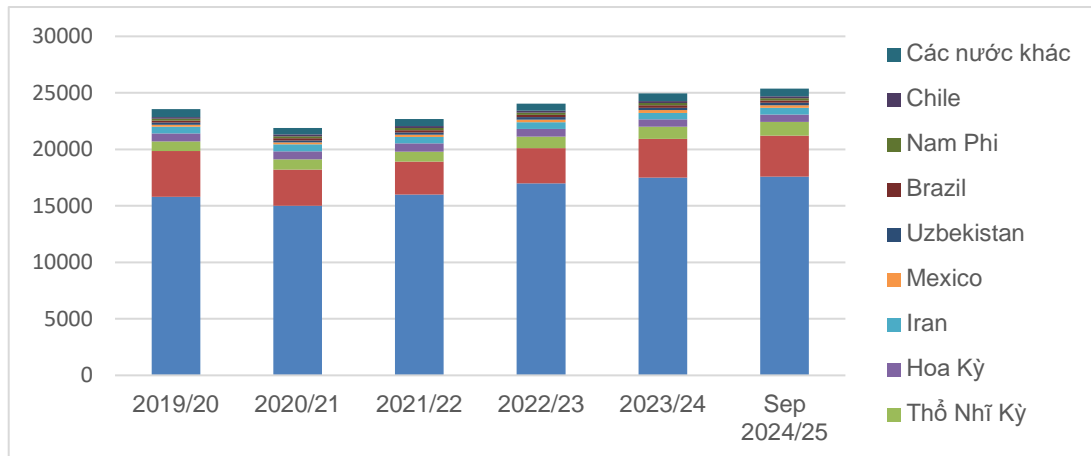
1.1.7. Tình hình sản xuất đào và xuân đào

Theo USDA, sản lượng đào và xuân đào thế giới tăng ổn định trong những năm qua, với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 1,1%/năm trong giai đoạn 2019-2024, từ 23,6 triệu tấn trong niên vụ 2019/20 tăng lên 24,9 triệu tấn trong niên vụ 2023/24 và ước đạt 25,4 triệu tấn trong niên vụ 2024/25.

Top 5 quốc gia/khu vực có sản lượng đào và xuân đào lớn nhất thế giới là Trung Quốc, EU, Thổ Nhĩ Kỳ, Hoa Kỳ và Iran. Sản lượng đào và xuân đào của 5 quốc gia này luôn chiếm từ 92,9% đến 93,4% tổng sản lượng đào và xuân đào của thế giới trong giai đoạn này. Trong đó, sản lượng của Trung Quốc lớn nhất, luôn chiếm từ 67,1% đến 70,7% tổng sản lượng toàn thế giới.



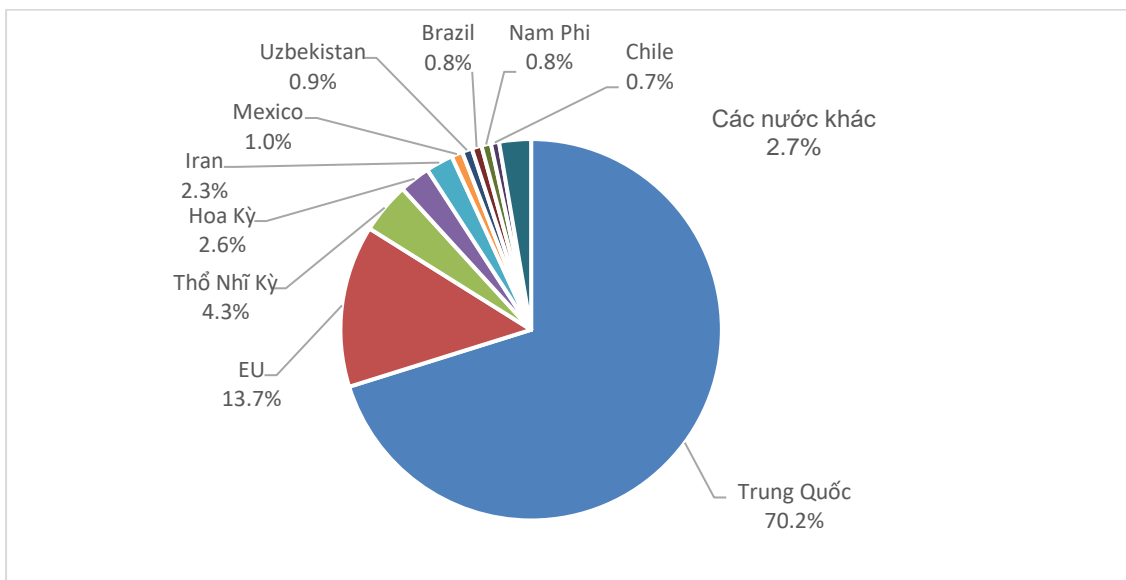
Hình 13: Cơ cấu sản lượng đào và xuân đào thế giới, 2019-2025



Nguồn: USDA

Tính riêng trong niên vụ 2023/24, sản lượng đào và xuân đào của Trung Quốc đạt 17,5 triệu tấn, chiếm 70,2% tổng sản lượng thế giới, tiếp đến là EU đạt 3,4 triệu tấn (chiếm 13,7%), Thổ Nhĩ Kỳ đạt 1,1 triệu tấn (chiếm 4,3%), Hoa Kỳ đạt 654 nghìn tấn (chiếm 2,6%), Iran đạt 577 nghìn tấn (chiếm 2,3%), v.v.

Hình 14: Cơ cấu sản lượng đào và xuân đào thế giới niên vụ 2023/24



Nguồn: USDA

1.1.8. Tình hình sản xuất lê

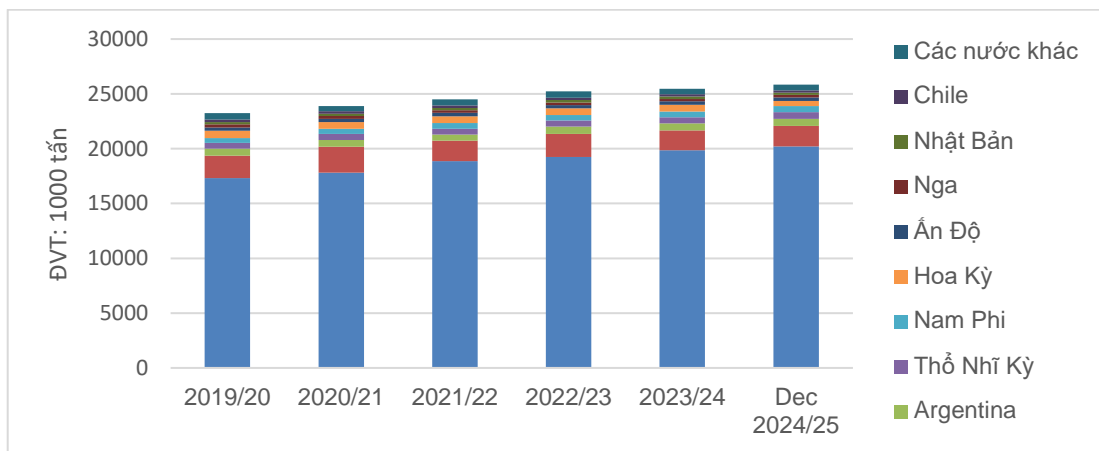
Theo USDA, sản lượng lê thế giới tăng ổn định trong những năm qua, với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 1,9%/năm trong giai đoạn 2019-2024, từ



23,2 triệu tấn trong niên vụ 2019/20 tăng lên 25,5 triệu tấn trong niên vụ 2023/24 và ước đạt 25,9 triệu tấn trong niên vụ 2024/25.

Top 5 quốc gia/khu vực có sản lượng lê lớn nhất thế giới là Trung Quốc, EU, Argentina, Thổ Nhĩ Kỳ và Nam Phi. Sản lượng lê của 5 quốc gia này luôn chiếm từ 90,3% đến 91,8% tổng sản lượng lê của thế giới trong giai đoạn này. Trong đó, sản lượng của Trung Quốc lớn nhất, luôn chiếm từ 74,5% đến 77,9% tổng sản lượng toàn thế giới.

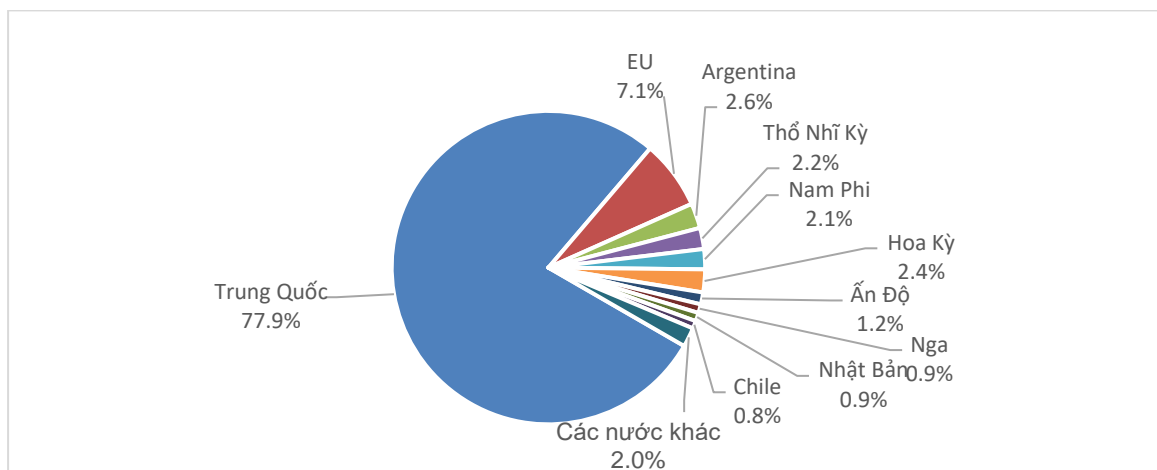
Hình 15: Cơ cấu sản lượng lê thế giới, 2019-2025



Nguồn: USDA

Tính riêng trong niên vụ 2023/24, sản lượng lê của Trung Quốc đạt 19,9 triệu tấn, chiếm 77,9% tổng sản lượng thế giới, tiếp đến là EU đạt 1,8 triệu tấn (chiếm 7,1%), Argentina đạt 658 nghìn tấn (chiếm 2,6%), Thổ Nhĩ Kỳ đạt 555 nghìn tấn (chiếm 2,2%), Nam Phi đạt 530 nghìn tấn (chiếm 2,1%), v.v.

Hình 16: Cơ cấu sản lượng lê thế giới niên vụ 2023/24



Nguồn: USDA



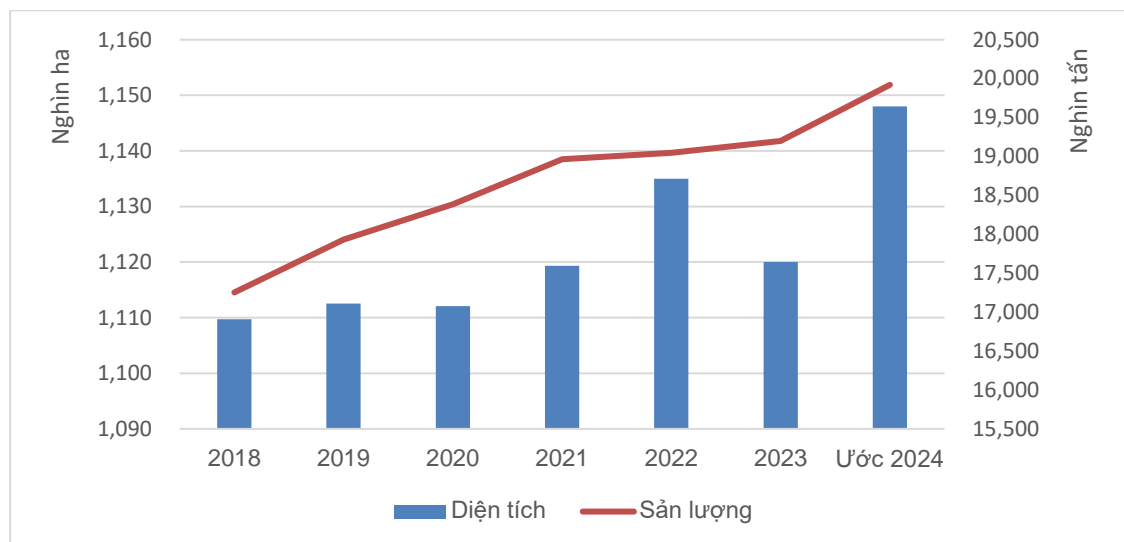
1.2. Tình hình sản xuất rau quả Việt Nam

1.2.1. Tình hình sản xuất chung

Theo báo cáo của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT, năm 2024, diện tích rau, đậu các loại ước đạt 1.148 nghìn ha, tăng so với kế hoạch năm (1,03 triệu ha) và sản lượng đạt 19,92 triệu tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng rau, đậu của Việt Nam tăng trưởng ổn định trong những năm gần đây, với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 0,6%/năm trong giai đoạn 2018-2024, từ 1.109 nghìn ha năm 2018 tăng lên 1.148 nghìn ha năm 2024. Sản lượng rau, đậu cũng tăng trưởng liên tục, với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 2,4%/năm, từ 17,3 triệu tấn năm 2018 tăng lên 19,92 triệu tấn năm 2024.

Hình 17: Diện tích trồng rau, đậu của Việt Nam, 2018-2024



Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Năm 2024, diện tích cây ăn quả đạt 1.300,7 nghìn ha¹, tăng 31,3 nghìn ha (tăng 2,5%); hầu hết cây ăn quả chủ lực đạt sản lượng cao hơn so với cùng kỳ². Diện tích một số cây ăn quả có xu hướng tăng do các địa phương tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa mang tính bền vững; nhiều mô hình xen canh cây ăn quả, trồng cây ăn quả kết hợp du lịch, trang trại phát triển góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân, đồng thời khai thác thế mạnh sản xuất cây trồng tại địa phương.

¹ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 số 175/BC-TT-KHTH ngày 10/12/2024 của Cục Trồng trọt

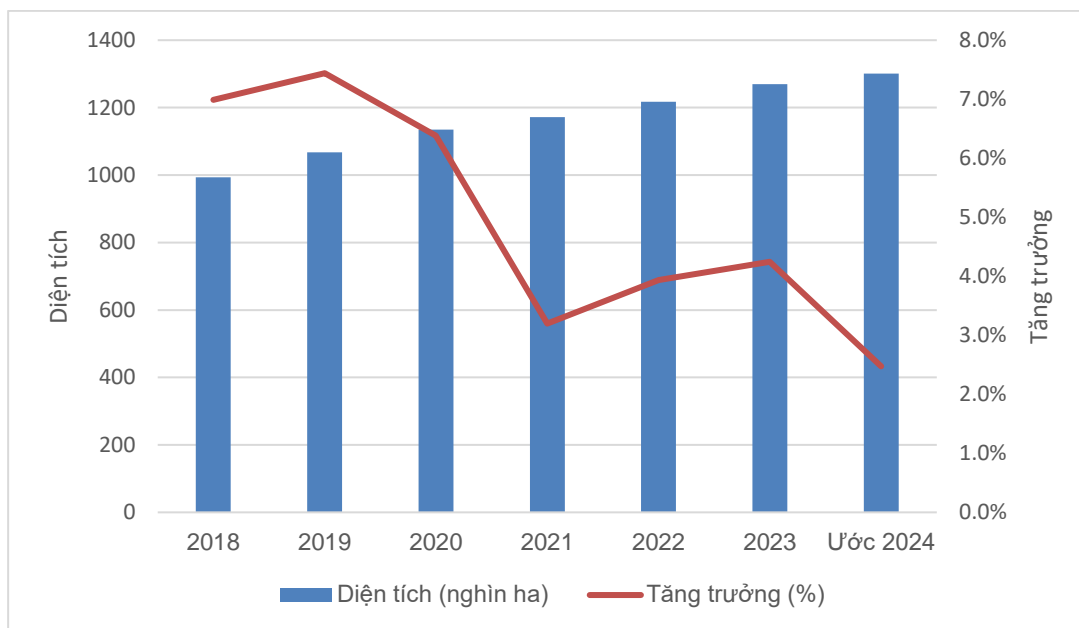
² Báo cáo Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn tháng 9 và 9 tháng đầu năm; nhiệm vụ trọng tâm tháng 10 năm 2024



Ước sản lượng 15 loại cây ăn quả chính năm 2024 là 12.955,9 nghìn tấn, bao gồm: xoài 1.089 nghìn tấn, chuối 2.744 nghìn tấn, thanh long 1.215 nghìn tấn, dứa 825 nghìn tấn, cam 1.670,9 nghìn tấn, quýt 170 nghìn tấn, bưởi 1.165 nghìn tấn, nhãn 517 nghìn tấn, vải 185 nghìn tấn, chôm chôm 340 nghìn tấn, sầu riêng 1.470 nghìn tấn, na 110 nghìn tấn, mít 1.100 nghìn tấn, bơ 205 nghìn tấn, chanh leo 150 nghìn tấn.

Diện tích cây ăn quả cả nước và các vùng, miền nhìn chung có xu hướng liên tục tăng trong những năm gần đây. Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, diện tích trồng cây ăn quả năm 2024 ước đạt 1,3 triệu ha, tăng 2,5% so với năm 2023. Giai đoạn 2018-2024, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép diện tích trồng cây ăn quả đạt 4,6%/năm, từ 993,2 nghìn ha năm 2018 tăng lên 1,3 triệu ha năm 2024.

Hình 18: Diện tích trồng trái cây của Việt Nam, 2018-2024

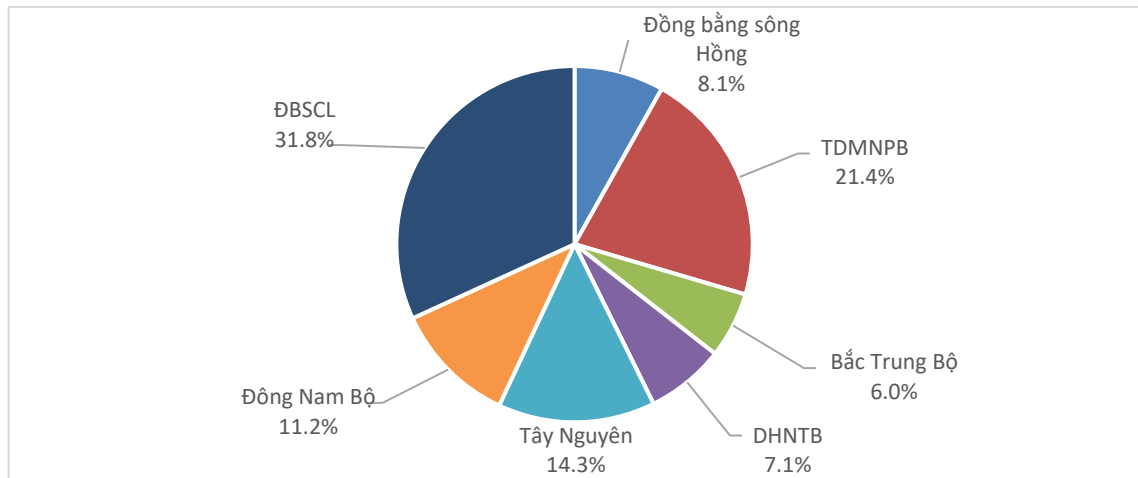


Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Nông nghiệp và PTNT

Theo Cục Trồng trọt, Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng có diện tích trồng trái cây lớn nhất cả nước, đạt 404,1 nghìn ha, chiếm 31,8% tổng diện tích. Tiếp đến là các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc (TDMNPB) đạt 271,9 nghìn ha, chiếm 21,4%; Tây Nguyên đạt 181,2 nghìn ha, chiếm 14,3%; Đông Nam Bộ đạt 142,2 nghìn ha, chiếm 11,2%; Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) đạt 103,3 nghìn ha, chiếm 8,1%; Duyên hải Nam Trung Bộ (DHNTB) đạt 90,6 nghìn ha, chiếm 7,1% và Bắc Trung Bộ đạt 76 nghìn ha, chiếm 6,0%.



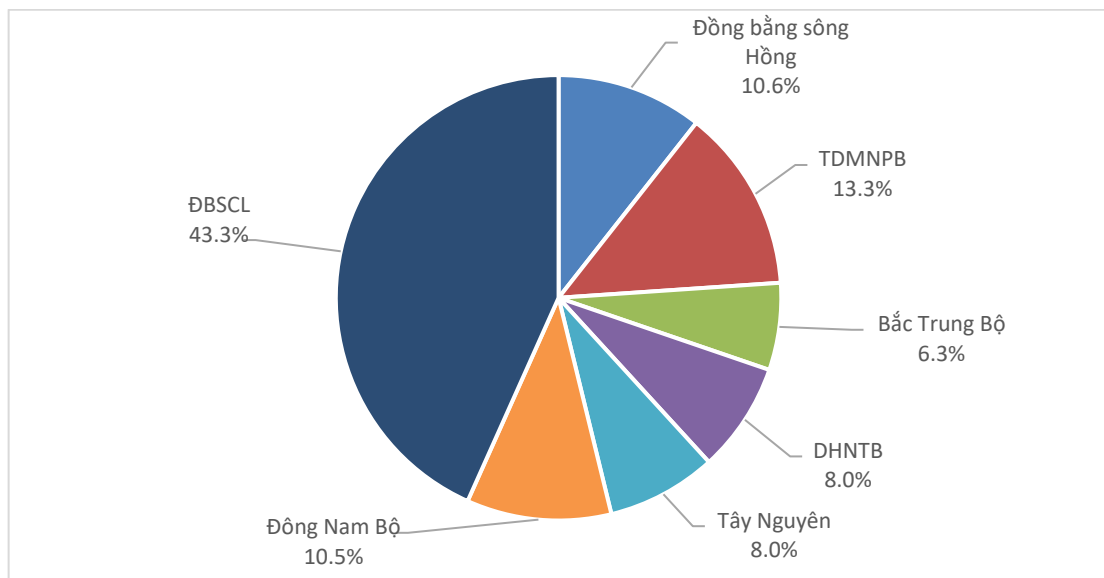
Hình 19: Cơ cấu vùng trồng trái cây của Việt Nam năm 2023



Nguồn: Cục Trồng trọt (MARD)

Về sản lượng, ĐBSCL chiếm tỷ trọng lớn nhất cả nước, đạt 6,0 triệu tấn, chiếm 43,3% tổng sản lượng trái cây cả nước. Tiếp đến là TDMNPB đạt 1,85 triệu tấn, chiếm 13,3%; ĐBSH đạt 1,47 triệu tấn, chiếm 10,6%; Đông Nam Bộ đạt 1,46 triệu tấn, chiếm 10,5%; Tây Nguyên đạt 1,11 triệu tấn, chiếm 8,0%; DHNTB đạt 1,10 triệu tấn, chiếm 8,0%; và Bắc Trung Bộ đạt 878,8 nghìn tấn, chiếm 6,3%.

Hình 20: Cơ cấu sản lượng trái cây của Việt Nam năm 2023



Nguồn: Cục Trồng trọt (MARD)



1.2.2. Tình hình sản xuất một số cây trồng chính

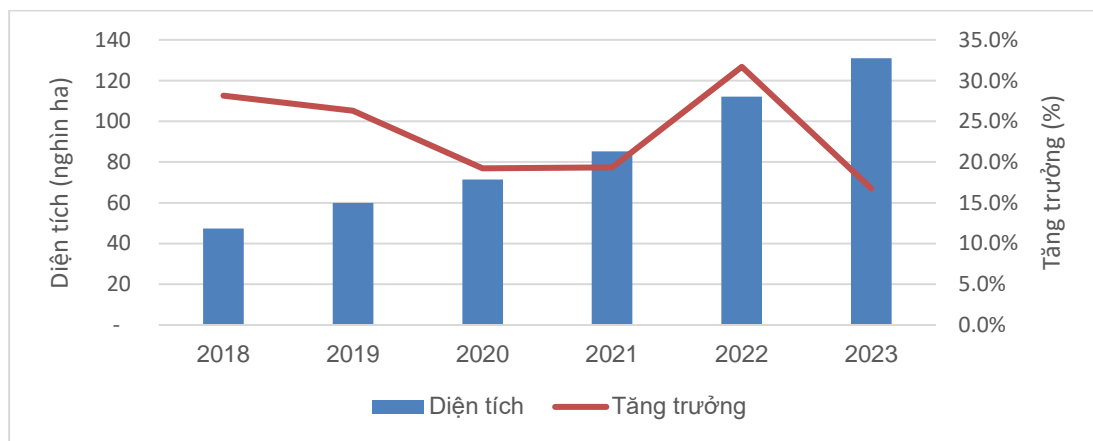
(i) Sản xuất sầu riêng

Ở Việt Nam, sầu riêng được trồng chủ yếu ở các tỉnh ở phía Nam, từ Đà Nẵng trở vào và một tỉnh thuộc vùng duyên hải Bắc Trung bộ là Thừa Thiên - Huế. 10 năm trước, diện tích trồng sầu riêng nhỏ lẻ, được xem là cây đặc sản chủ yếu phục vụ thị trường nội địa. Đến nay, sầu riêng được mệnh danh là "vua của các loại trái cây," đã trở thành một trong những ngành hàng nông sản nổi bật và có tiềm năng xuất khẩu lớn của Việt Nam.

Sầu riêng phát triển mạnh đã hình thành nên những vùng trồng và thời vụ thu hoạch khác nhau do khác biệt về điều kiện khí hậu. Để cạnh tranh hiệu quả, nhà vườn cần hiểu rõ thời vụ thu hoạch của từng vùng để bố trí thời vụ thu hoạch phù hợp.

Theo số liệu thống kê của Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và PTNT), năm 2023, diện tích trồng sầu riêng của Việt Nam ước tính đạt 131.000 ha³, tăng gần 20% so với năm 2022. Tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 22,5%/năm trong giai đoạn 2018-2023, từ 47,4 nghìn ha năm 2018 tăng lên 131 nghìn ha năm 2023.

Hình 21: Diện tích sầu riêng Việt Nam giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Trong đó, nhiều nhất là vùng Tây Nguyên chiếm 40,4%, tiếp theo là ĐBSCL chiếm 34,6%, miền Đông Nam bộ chiếm 19,4% và Duyên hải Nam Trung bộ chiếm 5,6%. Vùng Tây Nguyên với điều kiện đất đai rộng lớn, điều kiện khí hậu thuận lợi, đã trở thành vùng trồng sầu riêng lớn nhất cả nước. ĐBSCL

³ <https://nongnghiep.vn/vung-trong-sau-rieng-gan-lien-voi-mua-vu-o-viet-nam-d367550.html>

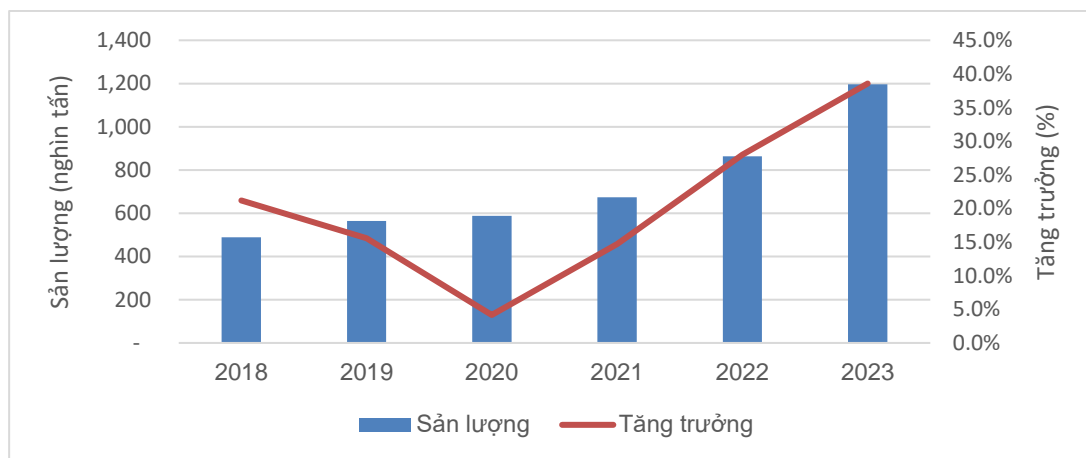


với lợi thế chủ động được nước và kinh nghiệm canh tác lâu năm, đặc biệt là sản xuất vụ nghịch sẽ không phải so với điều kiện ở ĐBSCL mà phải nghịch với tất cả các vùng trồng sầu riêng trong cả nước và thậm chí các nước có điều kiện tương tự trong khu vực.

Thời vụ thu hoạch sầu riêng ở Tây Nguyên trùng với thời vụ thu hoạch sầu riêng ở miền Nam của Thái Lan. Khác với ĐBSCL, sầu riêng ở miền Đông Nam Bộ và Tây nguyên chủ yếu ra hoa do ảnh hưởng của thời tiết, rất ít nhà vườn áp dụng kỹ thuật xử lý ra hoa nghịch hay rải vụ. Do đó, thời vụ thu hoạch sầu riêng ở hai vùng này có thể sớm hay muộn, trúng hay thất phụ thuộc rất lớn vào yếu tố thời tiết hàng năm. Như vậy, ngoại trừ vùng ĐBSCL có thể điều khiển cho sầu riêng ra hoa rải vụ quanh năm, sầu riêng của Việt Nam có thời gian thu hoạch kéo dài từ tháng 4 - 10, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau là vụ nghịch.

Sản lượng sầu riêng cả nước cũng tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 19,6%/năm, từ 488,4 nghìn tấn năm 2018 tăng lên gần 1,2 triệu tấn năm 2023.

Hình 22: Sản lượng sầu riêng Việt Nam giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT

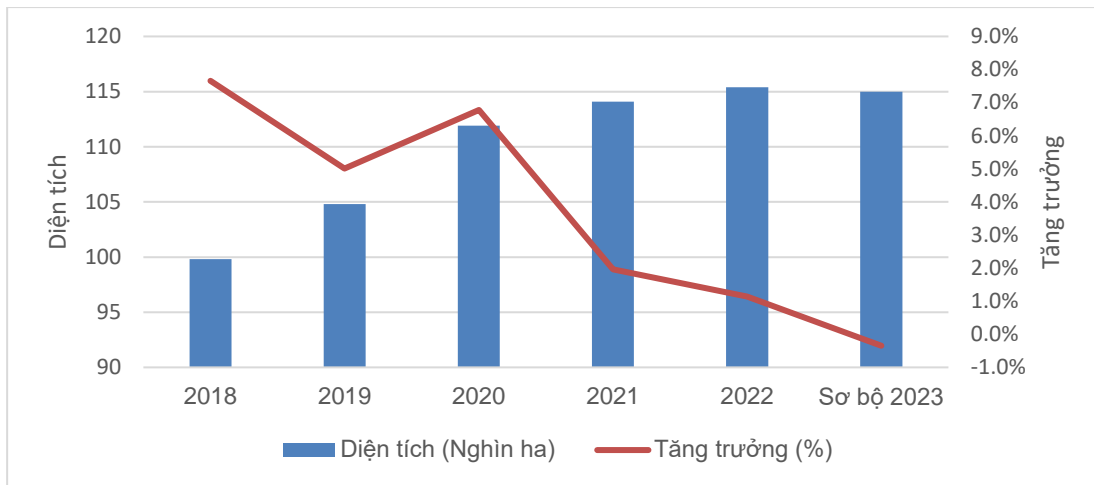
(ii). Sản xuất xoài

Xoài là cây trồng chủ lực ở nhiều địa phương trên cả nước. Những năm qua, nhờ áp dụng các phương pháp sản xuất tiên tiến nên năng suất, sản lượng cũng như hiệu quả kinh tế của cây xoài đang từng bước nâng cao.

Diện tích xoài có xu hướng tăng trong những năm gần đây, từ 99,8 nghìn ha năm 2018 tăng lên 115 nghìn ha năm 2023. Tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 2,9%/năm trong giai đoạn 2018-2023.



Hình 23: Diện tích xoài Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023

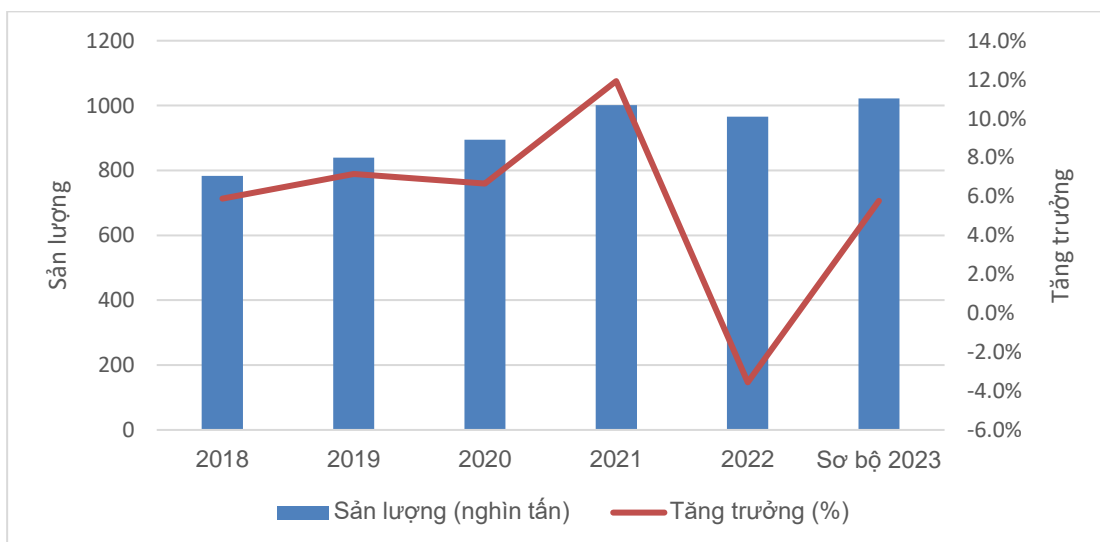


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Các tỉnh có diện tích và sản lượng xoài lớn là: Sơn La, Đồng Tháp, An Giang, Đồng Nai; trong đó, xoài được trồng nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long với 49.900ha. Tại Đồng Tháp, đến nay diện tích trồng xoài là hơn 14.000ha với sản lượng gần 140.000 tấn/năm.⁴

Nhờ các tiến bộ trong sản xuất, sản lượng xoài tăng trưởng tốt trong giai đoạn 2018-2023, tốc độ tăng trưởng kép đạt 5,5%/năm, từ 783 nghìn tấn năm 2018 tăng lên 1,02 triệu tấn năm 2023.

Hình 24: Sản lượng xoài Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

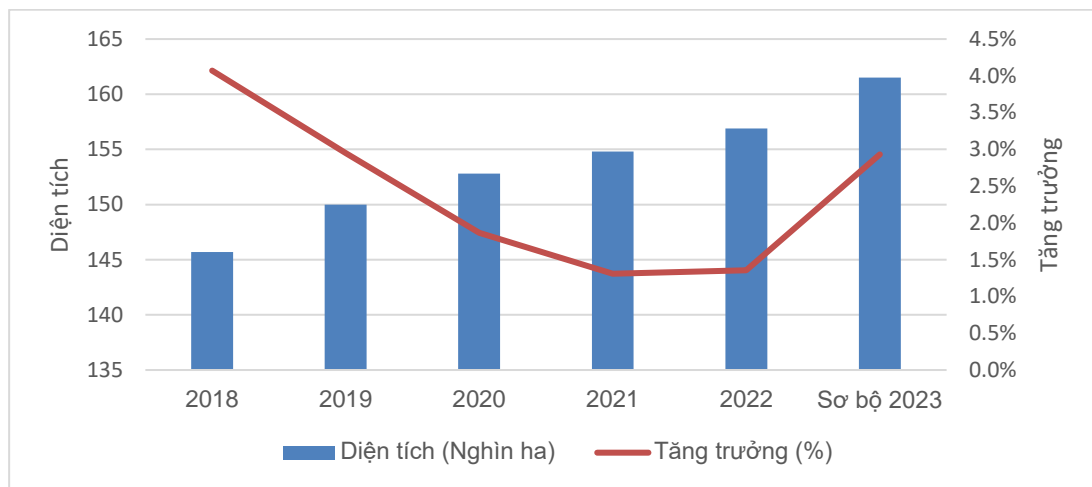
⁴ <https://nhandan.vn/ap-dung-san-xuat-tien-tien-nang-cao-gia-tri-qua-xoai-post758307.html>



(iii). Sản xuất chuối

Chuối là một trong những cây ăn quả phổ biến nhất, dễ trồng, dễ tiêu thụ, có giá trị kinh tế cao và tiềm năng xuất khẩu lớn của Việt Nam. Nhờ cho lợi nhuận cao nên diện tích cây trồng này không ngừng tăng nhanh trong những năm qua. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép diện tích trồng chuối cả nước trung bình đạt 2,1%/năm trong giai đoạn 2018-2023, từ 145,7 nghìn ha năm 2018 tăng lên 161,5 nghìn ha năm 2023.

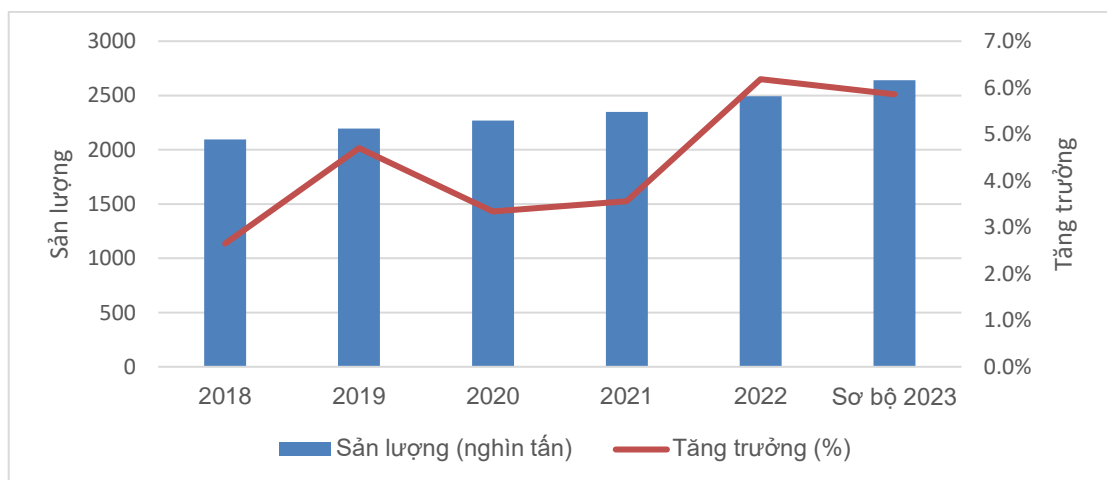
Hình 25: Diện tích chuối Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản lượng chuối cả nước tăng trưởng ổn định trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 4,7%/năm trong giai đoạn 2018-2023, từ 2,1 triệu tấn năm 2018 tăng lên 2,64 triệu tấn năm 2023.

Hình 26: Sản lượng chuối Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023



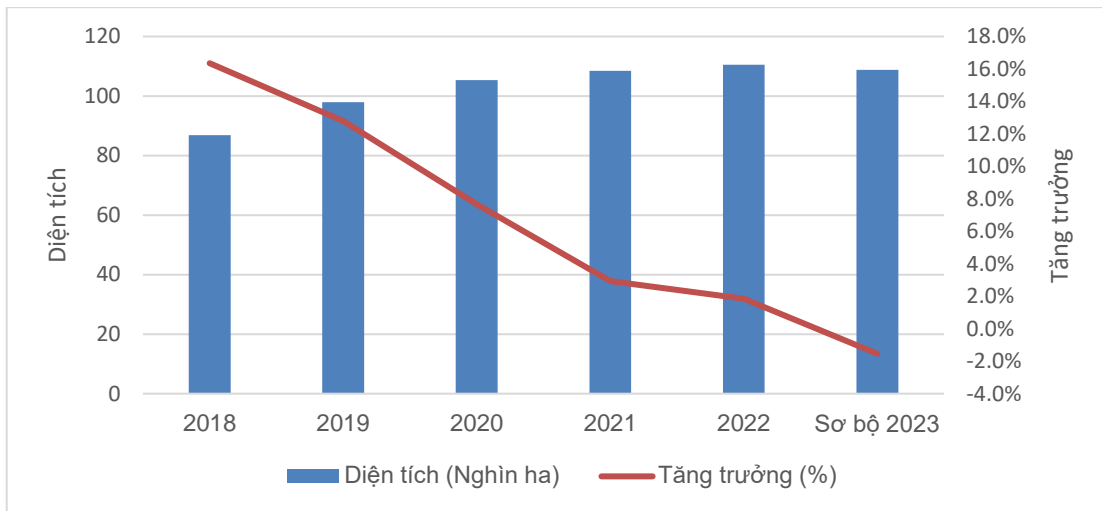
Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam



(iv) Tình hình sản xuất bưởi

Diện tích bưởi cả nước phát triển mạnh trong những năm gần đây, trung bình đạt 4,6%/năm trong giai đoạn 2018-2023, từ 86,8 nghìn ha năm 2018 tăng lên 108,8 nghìn ha năm 2023.

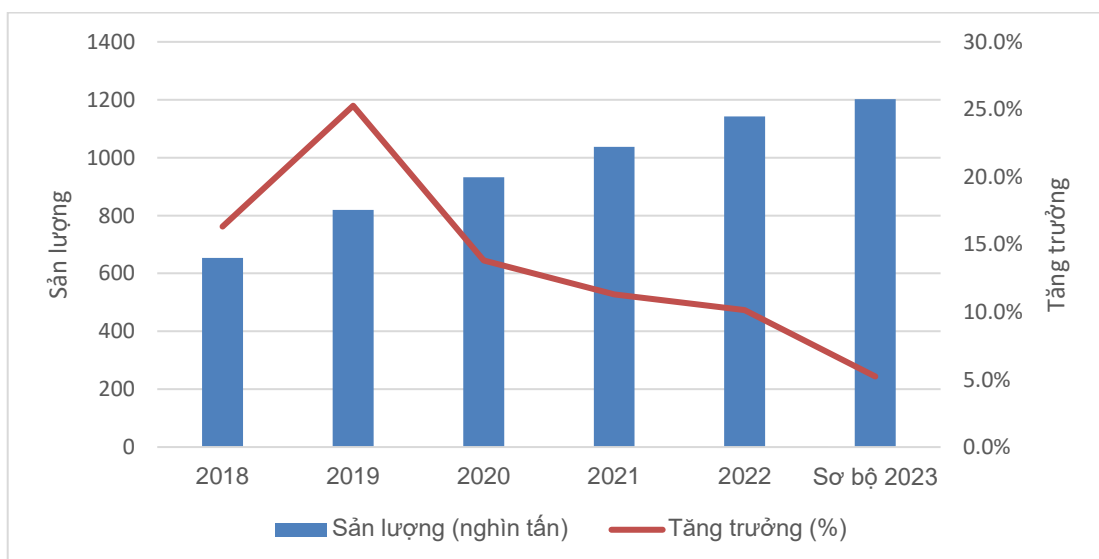
Hình 27: Diện tích bưởi Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023



Nguồn: Niên giám thống kê

Sản lượng bưởi cả nước tăng trưởng rất mạnh trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 13,0%/năm trong giai đoạn 2018-2023, từ 653,7 nghìn tấn năm 2018 tăng lên 1,2 triệu tấn năm 2023.

Hình 28: Sản lượng bưởi Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023



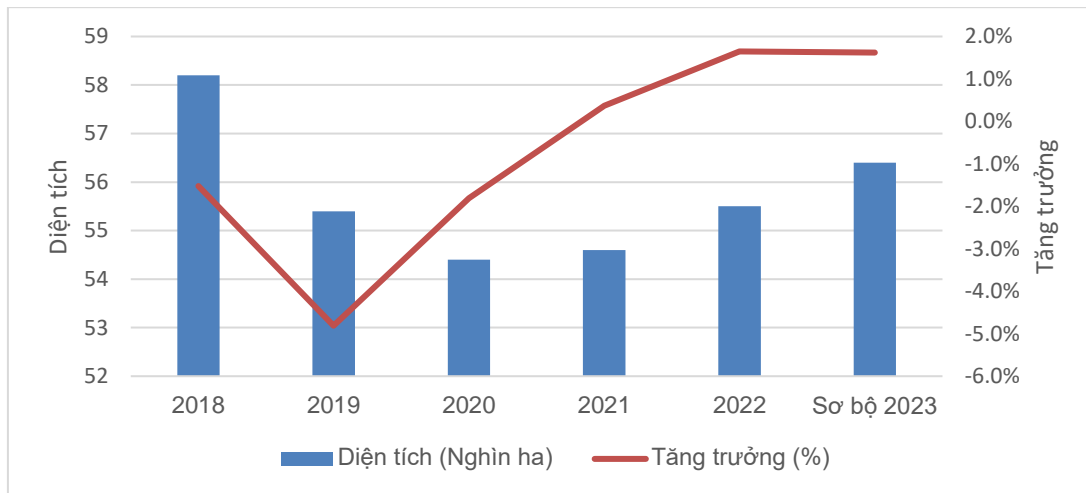
Nguồn: Niên giám thống kê



(v) Tình hình sản xuất vải

Giai đoạn 2018-2023, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép diện tích sản xuất vải cả nước giảm 0,6%/năm, từ 58,2 nghìn ha năm 2018 giảm xuống còn 56,4 nghìn ha năm 2023.

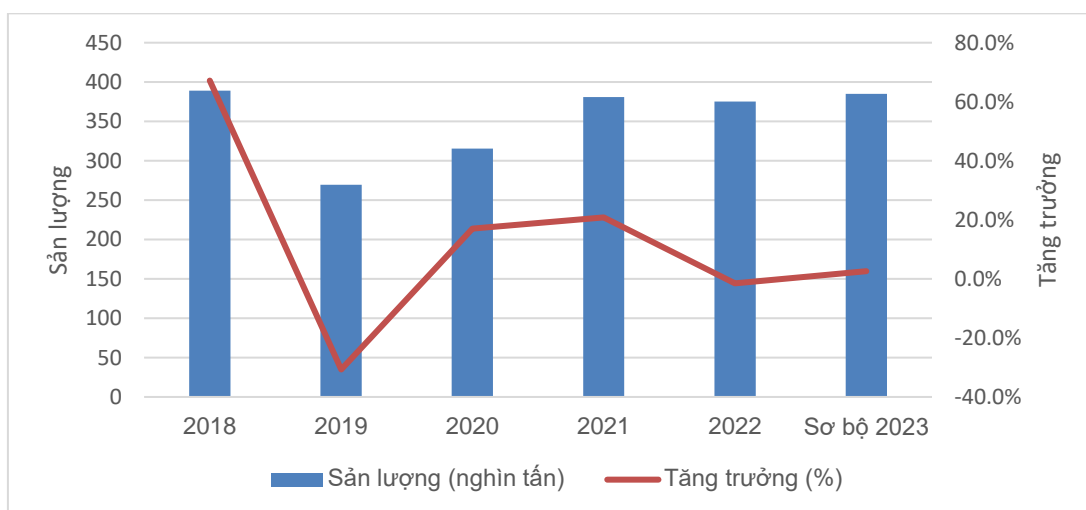
Hình 29: Diện tích vải Việt Nam giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Do diện tích trồng vải có xu hướng giảm, nên sản lượng vải cũng có xu hướng giảm, mặc dù có đang tăng trở lại sau khi bị giảm sâu vào năm 2019. Tốc độ tăng trưởng hàng năm kép giảm 0,2%/năm, từ 389 nghìn tấn năm 2018, giảm mạnh xuống còn 269,6 nghìn tấn năm 2019, sau đó tăng lên 385 nghìn tấn vào năm 2023.

Hình 30: Sản lượng vải Việt Nam giai đoạn 2018-2023



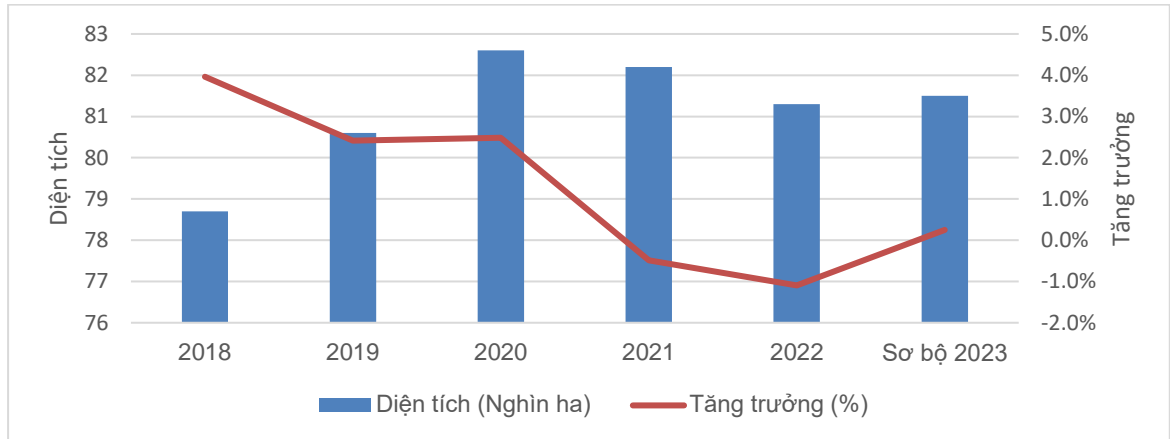
Nguồn: Tổng cục Thống kê



(vi) Tình hình sản xuất nhãn

Diện tích nhãn cả nước tăng trung bình 0,7%/năm trong giai đoạn 2018-2023, từ 78,7 nghìn ha năm 2018 tăng lên 81,5 nghìn ha năm 2023.

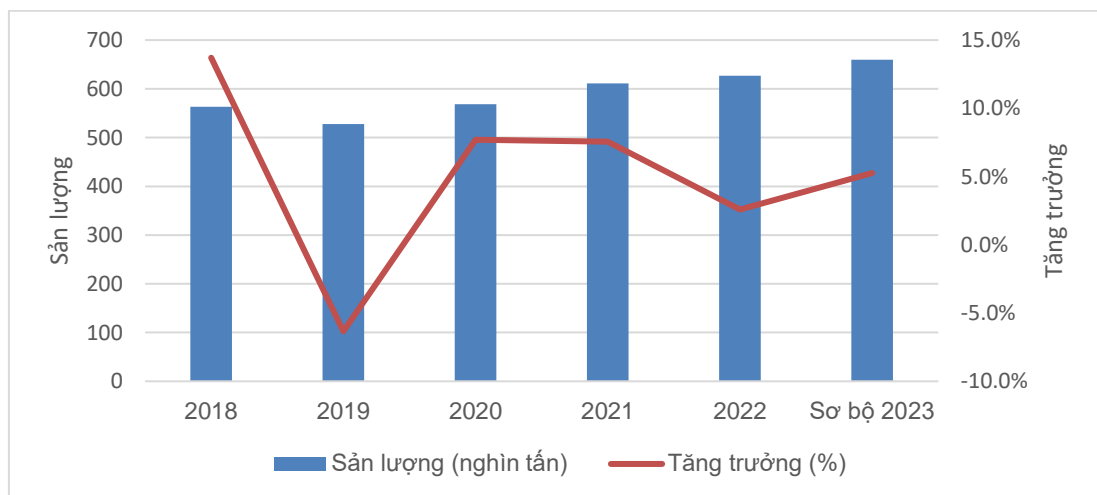
Hình 31: Diện tích nhãn Việt Nam giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản lượng nhãn có xu hướng tăng nhẹ trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 3,2%/năm trong giai đoạn 2018-2023, từ 563,3 nghìn tấn năm 2018 tăng lên 660 nghìn tấn năm 2023.

Hình 32: Sản lượng nhãn Việt Nam giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

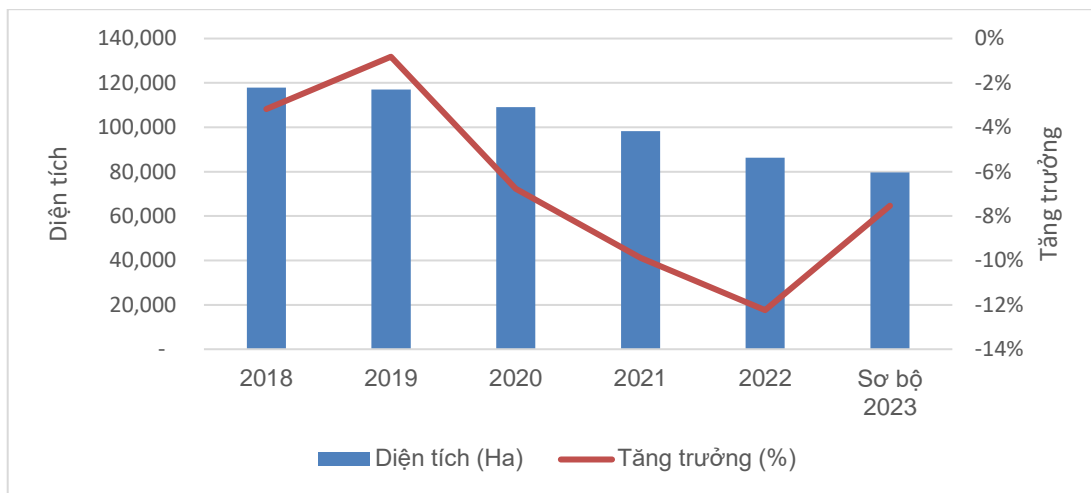
(vii) Tình hình sản xuất khoai lang

Diện tích khoai lang có xu hướng giảm trong những năm gần đây, trung bình giảm 7,5%/năm trong giai đoạn 2018-2023, từ 117,9 nghìn ha năm 2018 giảm xuống còn 79,7 nghìn ha năm 2023.



Nguyên nhân là do khó khăn trong tiêu thụ và xuất khẩu, việc phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu tiểu ngạch sang Trung Quốc đã tạo ra rủi ro cao. Khi Trung Quốc siết chặt tiêu chuẩn nhập khẩu, các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn dễ bị tồn đọng, gây thiệt hại lớn cho nông dân. Hơn nữa, sản phẩm khoai lang chủ yếu tiêu thụ dưới dạng tươi, không có nhiều cơ sở chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng.

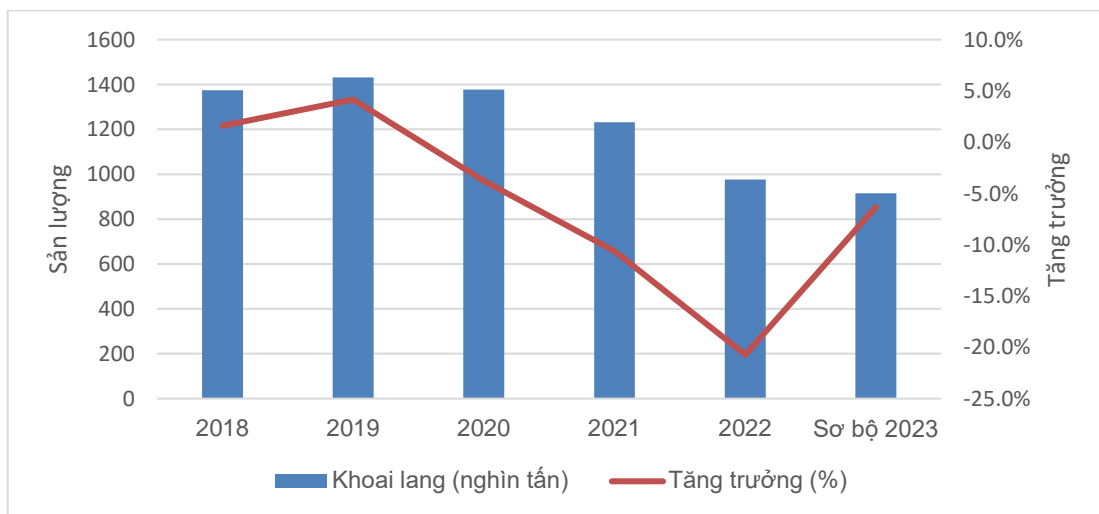
Hình 33: Diện tích khoai lang Việt Nam giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản lượng khoai lang cũng có xu hướng giảm mạnh trong giai đoạn 2018-2023, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 7,8%/năm, từ 1,37 triệu tấn năm 2018 giảm xuống còn 914,7 nghìn tấn năm 2023.

Hình 34: Sản lượng khoai lang Việt Nam giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê



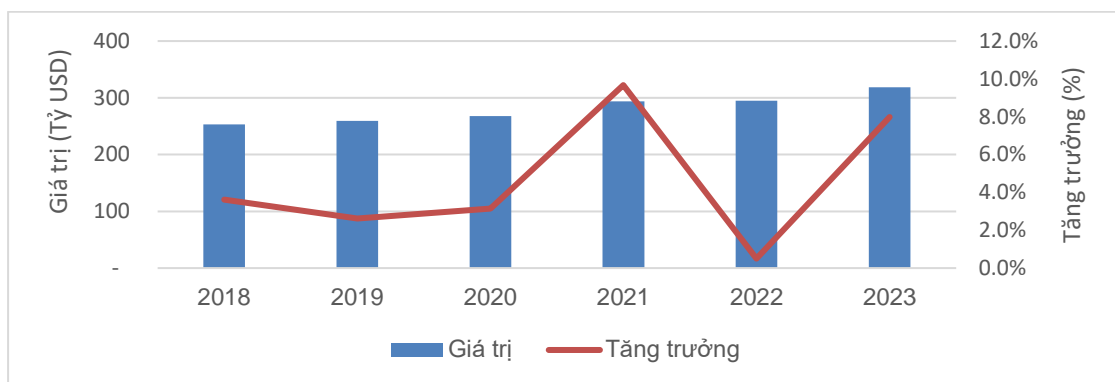
II. THƯƠNG MẠI RAU QUẢ

2.1. Thương mại rau quả thế giới

2.1.1. Xuất khẩu

Theo Trademap (ITC), tổng giá trị xuất khẩu rau quả trên toàn thế giới tăng trưởng khá ổn định trong giai đoạn 2018 – 2023, tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 4,7%/năm, từ 252,96 tỷ USD năm 2018 tăng lên 318,66 tỷ USD năm 2023.

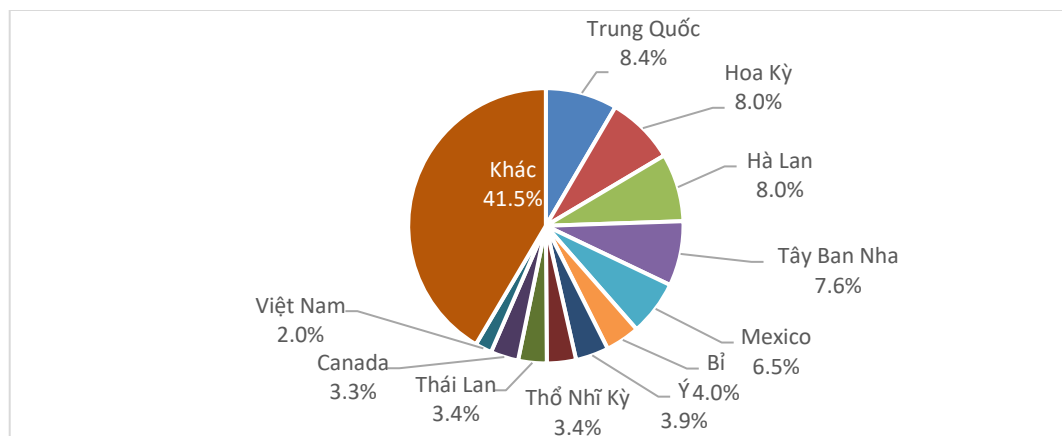
Hình 35: Biến động giá trị xuất khẩu rau quả thế giới, 2018-2023



Nguồn: Trademap, (6/12/2024)

Tốp 10 quốc gia xuất khẩu rau quả lớn nhất thế giới năm 2023 là Trung Quốc (đạt 26,9 tỷ USD, chiếm 8,4% thị phần), Hoa Kỳ (đạt 25,6 tỷ USD, chiếm 8,0%), Hà Lan (đạt 25,5 tỷ USD, chiếm 8,0%), Tây Ban Nha (đạt 24,3 tỷ USD, chiếm 7,6%), Mexico, Bỉ, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ, Thái Lan và Canada. Việt Nam đứng thứ 15 với 2,0% thị phần.

Hình 36: Cơ cấu giá trị xuất khẩu rau quả thế giới năm 2023

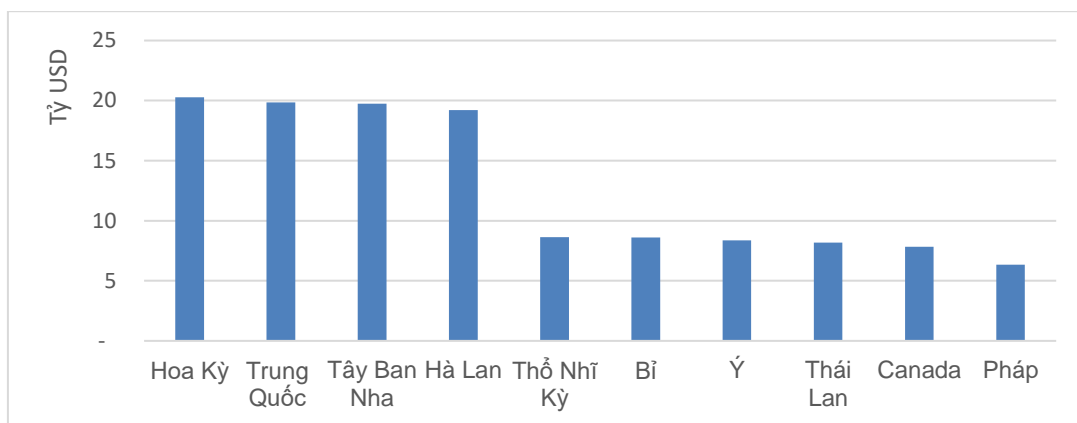


Nguồn: Trademap, (6/12/2024)



Theo số liệu Trademap (ITC) tính đến ngày 6/12/2024, 10 thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất trên thế giới trong 9 tháng đầu năm 2024 là: Hoa Kỳ (đạt 20,28 tỷ USD); Trung Quốc (đạt 19,85 tỷ USD); Tây Ban Nha (19,75 tỷ USD); Hà Lan (19,2 tỷ USD); Thổ Nhĩ Kỳ (8,63 tỷ USD); Ý (8,37 tỷ USD); Thái Lan (8,18 tỷ USD); Canada (7,83 tỷ USD) và Pháp (6,35 tỷ USD).

Hình 37: Giá trị xuất khẩu của 10 quốc gia xuất khẩu rau quả nhiều nhất thế giới, 9T/2024

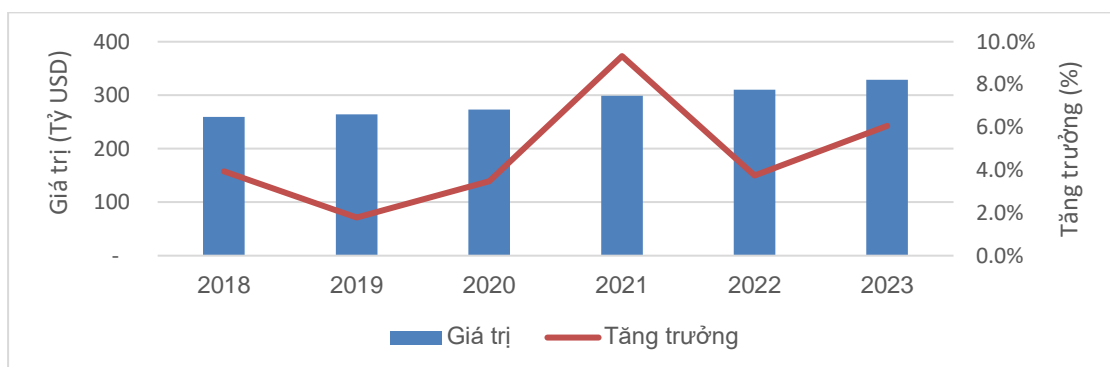


Nguồn: Trademap, (6/12/2024)

2.1.2. Nhập khẩu

Theo Trademap (ITC), về nhập khẩu rau quả trên toàn thế giới, tổng nhập khẩu rau quả tăng đều trong giai đoạn 2018 – 2023 với mức tăng trưởng hàng năm kép đạt 4,9%/năm, từ 259,5 tỷ USD năm 2018 tăng lên 328,9 tỷ USD năm 2023.

Hình 38: Biến động giá trị nhập khẩu rau quả thế giới, 2018-2023



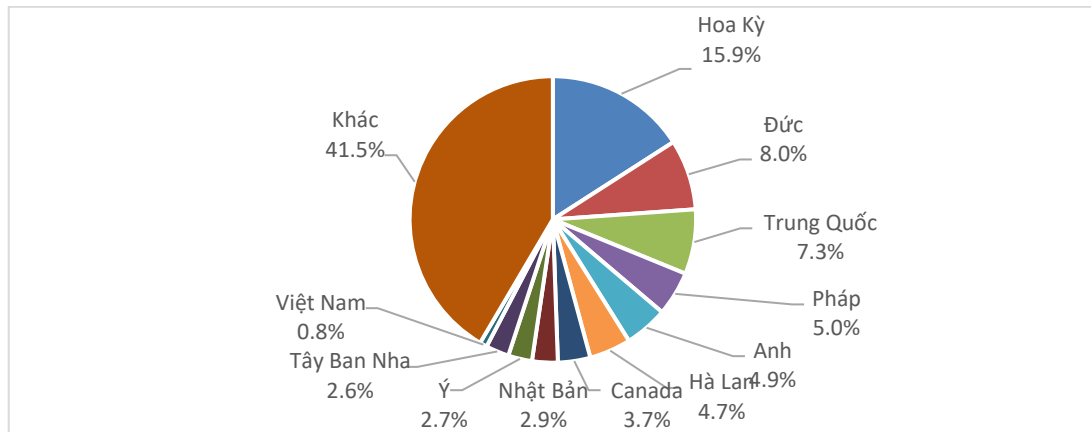
Nguồn: Trademap, (6/12/2024)

Tốp 10 quốc gia nhập khẩu lớn nhất năm 2023 là: Hoa Kỳ (đạt 52,4 tỷ USD, chiếm 15,9% thị phần nhập khẩu rau quả thế giới), Đức (đạt 26,2 tỷ USD,



chiếm 8,0%); Trung Quốc (đạt 24,1 tỷ USD, chiếm 7,3%); Pháp (đạt 16,5 tỷ USD, chiếm 5,0%); Anh (đạt 16,1 tỷ USD, chiếm 4,9%); Hà Lan (đạt 15,4 tỷ USD, chiếm 4,7%); Canada (đạt 12,0 tỷ USD, chiếm 3,7%); Nhật Bản (đạt 9,5 tỷ USD, chiếm 2,9%); Ý (đạt 8,9 tỷ USD, chiếm 2,7%) và Tây Ban Nha (đạt 8,6 tỷ USD, chiếm 2,6%). Việt Nam đứng thứ 26, chiếm 0,8% thị phần.

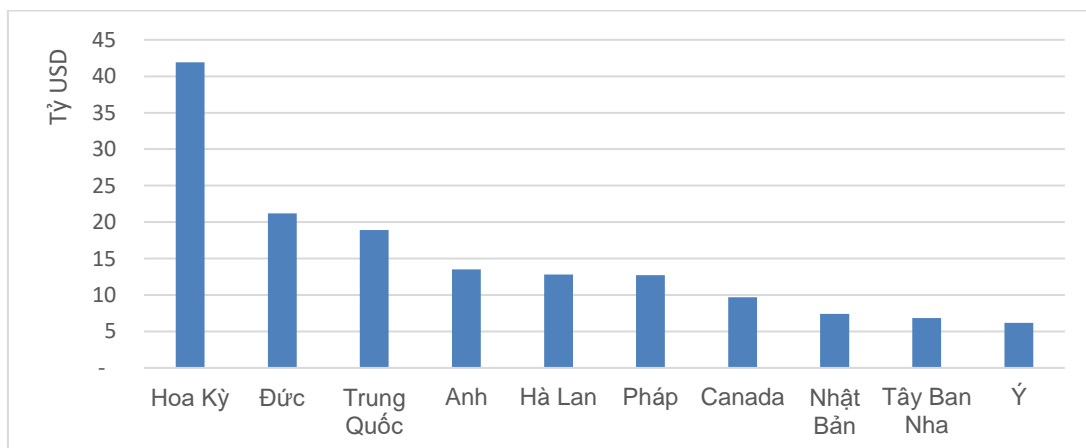
Hình 39: Cơ cấu giá trị nhập khẩu rau quả thế giới năm 2023



Nguồn: Trademap, (6/12/2024)

Theo số liệu Trademap (ITC) tính đến ngày 6/12/2024, 10 thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trên thế giới trong 9 tháng đầu năm 2024 là: Hoa Kỳ (đạt 41,9 tỷ USD); Đức (đạt 21,2 tỷ USD); Trung Quốc (đạt 18,9 tỷ USD); Anh (đạt 13,5 tỷ USD); Hà Lan (đạt 12,8 tỷ USD); Pháp (12,7 tỷ USD); Canada (9,7 tỷ USD); Nhật Bản (7,4 tỷ USD); Tây Ban Nha (đạt 6,9 tỷ USD); Ý (Đạt 6,2 tỷ USD).

Hình 40: Giá trị xuất khẩu của 10 quốc gia xuất khẩu rau quả nhiều nhất thế giới, 9T/2024



Nguồn: Trademap, (6/12/2024)



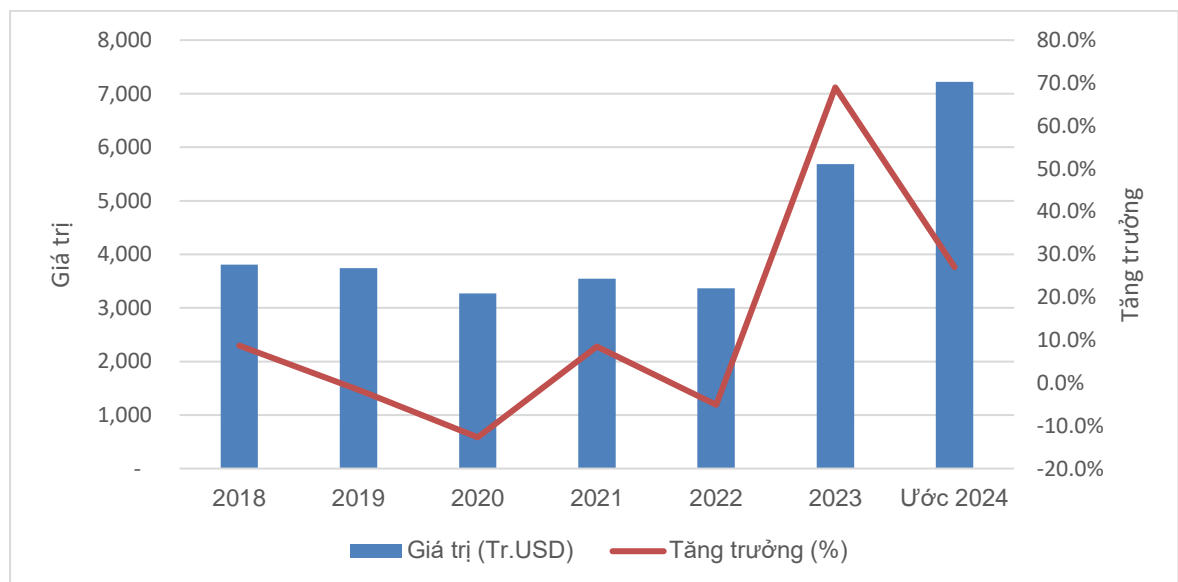
2.2. Thương mại rau quả Việt Nam

2.2.1. Xuất khẩu

Ngành rau quả Việt Nam là một trong những lĩnh vực nông nghiệp chủ lực, đóng góp ngày càng lớn vào xuất khẩu nông sản của quốc gia. Với điều kiện khí hậu nhiệt đới và đất đai màu mỡ, Việt Nam có lợi thế sản xuất nhiều loại rau, củ, quả phong phú để nâng cao giá trị xuất khẩu.

Giá trị xuất khẩu rau quả tăng liên tục trong những năm gần đây, từ 3,8 tỷ USD năm 2018 tăng lên khoảng 7,2 tỷ USD năm 2024⁵. Tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 11,3%/năm trong giai đoạn 2018-2024.

Hình 41: Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam, 2018-2024



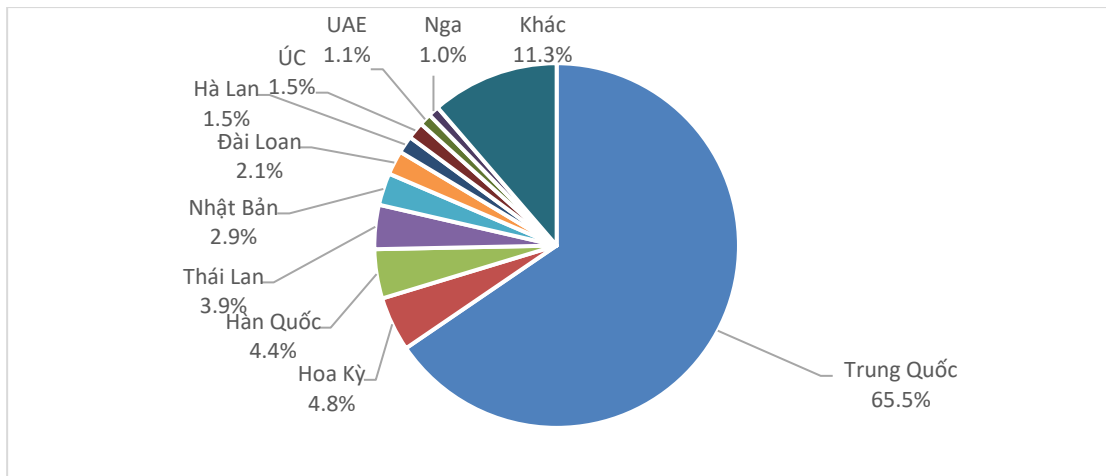
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Top 10 thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam năm 2024 là: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan, Hà Lan, Úc, Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất (UAE) và Nga. Thị phần của Top 10 quốc gia này chiếm 88,7% thị phần xuất khẩu rau quả của Việt Nam.

⁵ <https://vtv.vn/kinh-te/xuat-khau-rau-qua-can-dich-som-20241205161208814.htm>



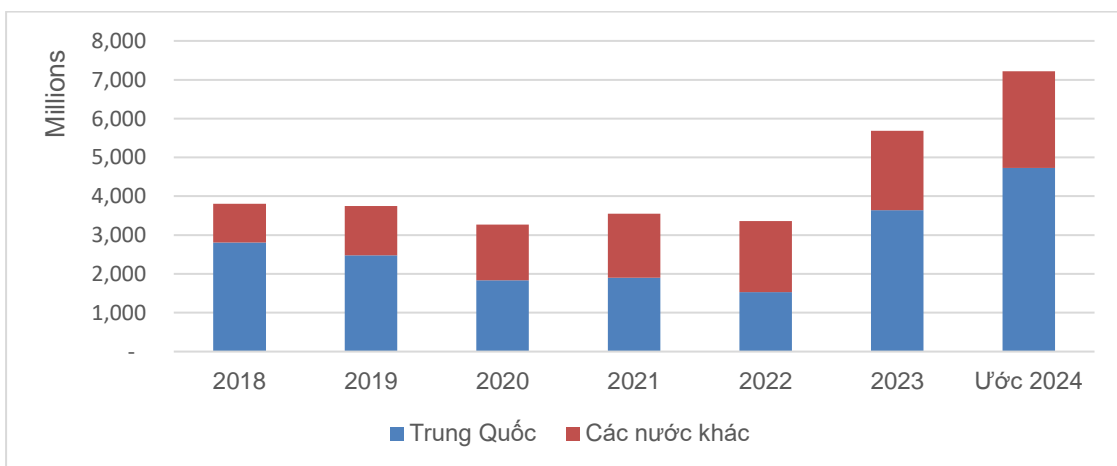
Hình 42. Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc, luôn chiếm từ 45,4% đến 73,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2018-2024. Nhu cầu tiêu thụ rau quả của Trung Quốc rất lớn và ổn định. Với quy mô dân số hơn 1,4 tỷ người, GDP bình quân đầu người năm 2023 khoảng 12.174 USD, quy mô thị trường rau quả Trung Quốc ước đạt 1.345 tỷ USD năm 2023, dự kiến tăng lên 2.399 tỷ USD năm 2032, tốc độ tăng trung bình 6,64%/năm. Mức tiêu thụ rau bình quân đầu người 105 kg/năm, quả tươi 54,7 kg/năm. Năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu 7,33 triệu tấn trái cây (khoảng 25% nhu cầu tiêu thụ) và 337 nghìn tấn rau. Trái cây nhiệt đới như sầu riêng, chuối đang được ưa chuộng.

Hình 43: Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc, 2018-2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan

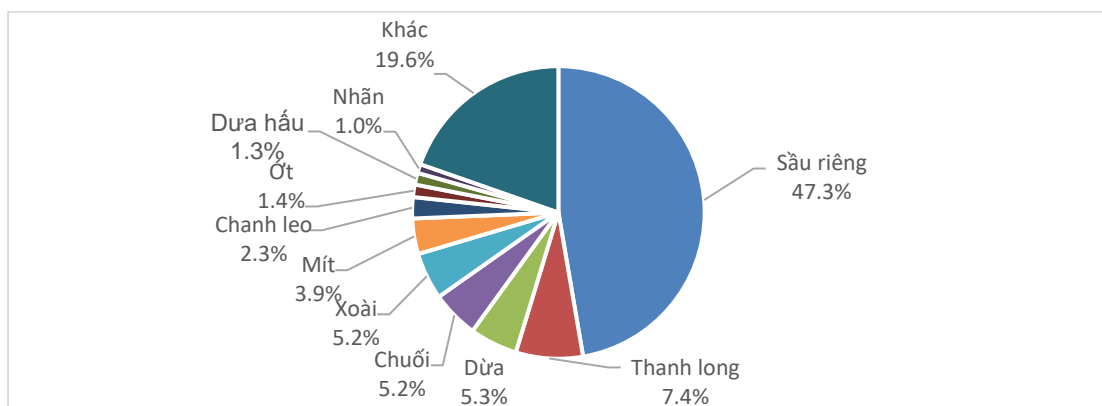


Theo đại diện Hiệp hội Rau Quả Việt Nam, các cửa khẩu ở biên giới Việt Nam nằm rất gần các chợ đầu mối bên Trung Quốc nên đã rút ngắn rất nhiều thời gian vận chuyển hàng rau quả từ nơi sản xuất đến chợ tiêu thụ phía Trung Quốc, giảm đáng kể chi phí logistics so các nước khác. Các cảng biển ở Trung Quốc cũng rất gần các cảng của Việt Nam, giúp tăng thêm tính cạnh tranh cho ngành hàng rau quả Việt Nam. Hơn nữa, xuất khẩu trái cây của Việt Nam còn có lợi thế về các hiệp định thương mại song phương và đa phương mà hai nước cùng là thành viên. Đây là cơ hội lớn để trái cây Việt Nam thâm nhập sâu vào thị trường rộng lớn này.

Bên cạnh đó, thị trường Mỹ được các doanh nghiệp ngành hàng trái cây đánh giá là thị trường mang lại lợi thế lớn vì nơi này không sản xuất được những loại trái cây giống như trái cây Việt Nam. Hàng nông sản giữa hai quốc gia Mỹ và Việt Nam có nhiều điểm có thể bổ sung cho nhau, đặc biệt là trái cây Việt Nam có nhiều loại không tìm thấy ở Mỹ, vì vậy, còn nhiều dư địa để khai thác.⁶

Các chủng loại rau quả xuất khẩu nhiều nhất năm 2024 là: sầu riêng ước đạt 3,4 tỷ USD, chiếm 47,3% thị phần xuất khẩu rau quả của Việt Nam, tăng 52,3% so với cùng kỳ năm 2023. Tiếp đến là thanh long đạt 535,1 triệu USD (chiếm 7,4%, giảm 15,2%); dứa đạt 381,4 triệu USD (chiếm 5,3%, tăng 56,7%); chuối đạt 377,9 triệu USD (chiếm 5,2%, tăng 18,3%); xoài đạt 375,4 triệu USD (chiếm 5,2%, tăng 49,0%); mít đạt 283,4 triệu USD (chiếm 3,9%, tăng 8,3%); chanh leo đạt 169,5 triệu USD (chiếm 2,3%, giảm 24,5%); v.v. Thị phần xuất khẩu của 10 loại rau quả này chiếm 80,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả.

Hình 44: Cơ cấu chủng loại xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan

⁶ <https://vtv.vn/kinh-te/xuat-khau-rau-qua-can-dich-som-20241205161208814.htm>

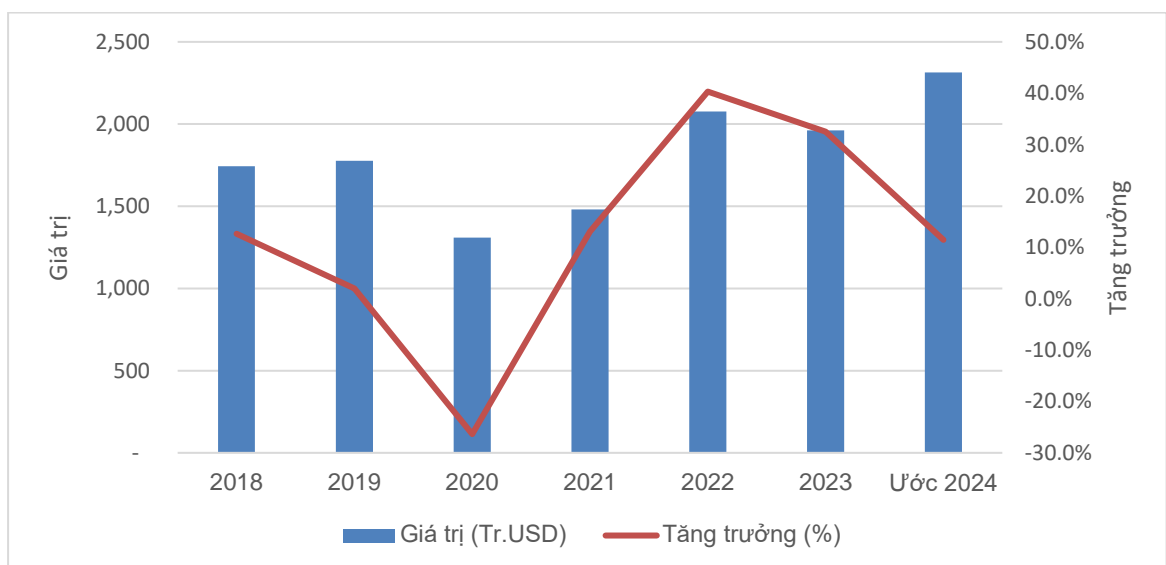


Trong những năm gần đây xuất khẩu rau quả tăng mạnh, một nguyên nhân quan trọng là do được sự quan tâm, hỗ trợ trong khâu xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công Thương. Hai Bộ đã tổ chức nhiều cuộc xúc tiến thương mại cấp quốc gia tại EU, Mỹ, Trung Quốc... giúp người tiêu dùng quốc tế nhận biết và nhận thức tốt hơn về rau củ quả Việt Nam. Qua đó đã khơi thông nhiều dòng sản phẩm trái cây vào các thị trường lớn, như: Dừa, sầu riêng vào thị trường Trung Quốc, trái bưởi vào thị trường Mỹ, EU. Sắp tới bưởi Việt Nam cũng sẽ vào thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc. Đây là những mặt hàng mà Việt Nam có nhiều lợi thế về sản lượng và hương vị đặc biệt, kỳ vọng mang lại sự bùng nổ về kim ngạch.⁷ Với thị trường Trung Quốc, đến nay trái cây Việt đã tiếp cận sâu rộng vào một số thị trường của đất nước tỷ dân, đặc biệt là Bắc Kinh và các địa phương vệ tinh lân cận.

2.2.2. Nhập khẩu

Ngoài nguồn sản xuất trong nước, Việt Nam còn nhập khẩu nhiều loại rau quả từ các thị trường khác trên thế giới. Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam có xu hướng tăng mạnh với tốc độ tăng trưởng hàng năm kép đạt 4,8%/năm trong giai đoạn 2018-2024, từ 1,74 tỷ USD năm 2018 tăng lên khoảng 2,3 tỷ USD năm 2024.

Hình 45: Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam, 2018-2024



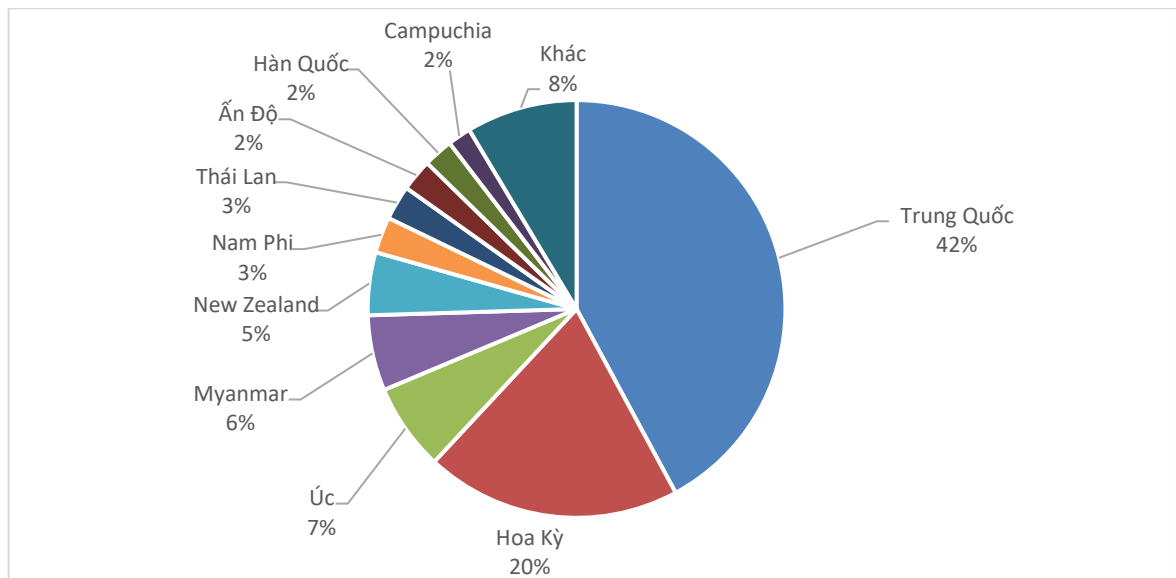
Nguồn: Tổng cục Hải quan

⁷ <https://thuonghieucongluan.com.vn/kim-ngach-xuat-khau-rau-qua-nam-2024-uoc-dat-hon-7-ty-usd-tang-30-a247880.html>



Theo Tổng cục Hải quan, các thị trường cung cấp chính rau quả cho Việt Nam năm 2024 là Trung Quốc đạt khoảng 975,2 triệu USD, chiếm 42,1% thị phần nhập khẩu rau quả của Việt Nam, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Hoa Kỳ đạt 458,4 triệu USD, chiếm 19,8%, tăng 38,3%; Úc đạt 155,8 triệu USD, chiếm 6,7%, tăng 9,4%; Myanmar đạt 135,4 triệu USD, chiếm 5,9%, tăng 32,0%; New Zealand đạt 112,8 triệu USD, chiếm 4,9%, giảm 6,6%; Nam Phi đạt 65,4 triệu USD, chiếm 2,8%, tăng 14,8%; Thái Lan đạt 61,7 triệu USD, chiếm 2,7%, tăng 32,6%; v.v. Thị phần của 10 quốc gia này chiếm 91,4% tổng giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam.

Hình 46: Cơ cấu thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam năm 2024

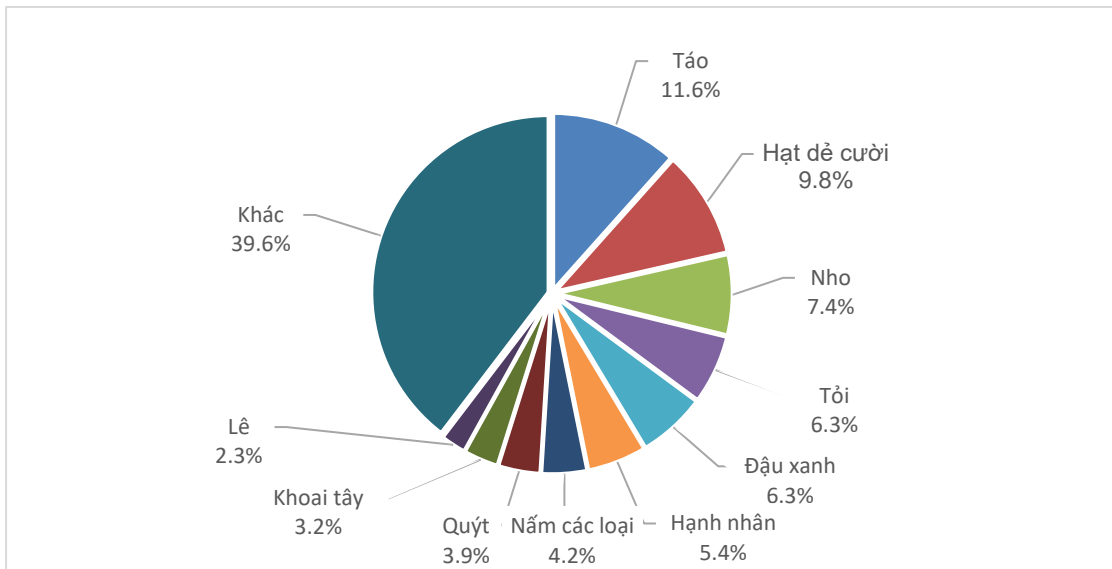


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các mặt hàng rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất năm 2024 là: táo đạt 268,5 triệu USD, chiếm 11,6% thị phần nhập khẩu rau quả của Việt Nam, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm ngoái; hạt dẻ cười đạt 227,7 triệu USD, chiếm 9,8%, tăng 46,8%; nho đạt 170,9 triệu USD, chiếm 7,4%, tăng 5,7%; tỏi đạt 146,3 triệu USD, chiếm 6,3%, tăng 7,3%; đậu xanh đạt 145,2 triệu USD, chiếm 6,3%, tăng 6,1%; hạnh nhân đạt 125,5 triệu USD, chiếm 5,4%, tăng 20,0%; nắm các loại đạt 96,5 triệu USD, chiếm 4,2%, giảm 1,0%; quýt đạt 89,4 triệu USD, chiếm 3,9%, tăng 16,3%; v.v. Thị phần của 10 loại rau quả này chiếm 60,4% tổng giá trị nhập khẩu rau quả.



Hình 47: Cơ cấu mặt hàng rau quả nhập khẩu của Việt Nam năm 2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan

2.2.3. Tình hình mở cửa thị trường

Năm 2024, hàng loạt nông sản của Việt Nam được ký Nghị định thư xuất khẩu chính ngạch và các FTA được ký kết. Đặc biệt, trong chuyến thăm cấp nhà nước của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đến nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa từ ngày 18/8 đến ngày 20/8/2024, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc chính thức ký kết 3 nghị định thư⁸, trong đó có sầu riêng đông lạnh và dứa tươi.⁹ Việc ký kết nghị định thư này là một bước tiến quan trọng trong quan hệ thương mại nông sản giữa hai nước, đặc biệt đối với ngành nông nghiệp Việt Nam.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sầu riêng đông lạnh được xem là sản phẩm ưu tiên với tiềm năng đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu nông sản. Việc mở cửa chính thức thị trường Trung Quốc cho sản phẩm này dự kiến tạo ra cơ hội lớn cho ngành sầu riêng Việt Nam. Việc mở cửa thị trường cho sản phẩm này sẽ giúp đa dạng hóa chế biến, giảm áp lực về thời vụ thu hoạch, đồng thời tạo ra giá trị gia tăng lớn hơn cho ngành sầu riêng. Dự kiến xuất khẩu sầu riêng đông lạnh có thể đạt kim ngạch 400 - 500 triệu USD ngay trong năm

⁸ <https://tuoitre.vn/viet-nam-ky-nghi-dinh-thu-xuat-khau-sau-rieng-dong-lanh-dua-tuoi-va-ca-sau-sang-trung-quoc-20240819154659148.htm>

⁹ Nghị định thư về kiểm tra, kiểm định thực vật và an toàn thực phẩm đối với sầu riêng đông lạnh xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc; Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với dứa tươi xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc.



2024, là năm đầu tiên sau khi ký kết nghị định thư và sớm góp mặt trong danh sách mặt hàng nông sản xuất khẩu giá trị tỉ USD ngay trong năm 2025.

Đối với dứa tươi, việc ký kết nghị định thư này đánh dấu sự kết thúc quá trình đàm phán kỹ thuật giữa hai bên, mở ra cơ hội cho dứa tươi Việt Nam tiếp cận chính thức thị trường 1,4 tỉ dân. Việt Nam hiện là một trong những nước sản xuất và xuất khẩu dứa lớn trên thế giới, với diện tích trồng khoảng 175.000 ha, tập trung chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu dứa tươi có thể tăng thêm 200-300 triệu USD trong năm 2024 và còn tăng trưởng mạnh trong các năm tiếp theo. Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn tạo động lực cho ngành dứa Việt Nam phát triển bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Các doanh nghiệp đã chuẩn bị sẵn sàng xuất khẩu và vào ngày 15/10/2024, lô dứa tươi đầu tiên của tỉnh Bến Tre gồm 2.700 quả dứa tươi (21,6 tấn) đã thông quan và nhập cảnh thuận lợi thông qua cửa khẩu Hà Khẩu ở tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), giáp với cửa khẩu Lào Cai (Việt Nam) và một lô hàng 22,4 tấn dứa tươi Việt Nam trị giá khoảng 14.000 USD đã được vận chuyển đến cửa khẩu Hữu Nghị Quan thuộc thành phố Bằng Tường, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, cũng đã thông quan vào thị trường Trung Quốc.¹⁰

Trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Lý Cường vào ngày 13/10¹¹, Thủ tướng Phạm Minh Chính đề nghị hai bên đẩy nhanh hoàn tất thủ tục để sớm mở Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Trùng Khánh, thúc đẩy hơn nữa hợp tác thương mại, tiếp tục mở cửa thị trường cho nông sản chất lượng cao của Việt Nam như hoa quả có múi, bưởi, bơ, na, roi, v.v. của Việt Nam. Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng đề nghị phía Trung Quốc tạo điều kiện để Việt Nam thành lập Văn phòng Xúc tiến thương mại Việt Nam tại Hải Khẩu trong năm 2024 và thành lập các Văn phòng Xúc tiến thương mại Việt Nam tại Thành Đô (Tứ Xuyên), Nam Kinh (Giang Tô) trong thời gian tới; nâng cao hiệu suất thông quan tại các cửa khẩu, thúc đẩy nâng cấp "kết nối mềm" về hải quan thông minh; tích cực phối hợp nghiên cứu, đề xuất các mô hình mới để triển khai hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

¹⁰ <https://nhandan.vn/thi-truong-trung-quoc-don-nhan-nhung-lo-hang-dua-tuoi-viet-nam-dau-tien-post837021.html>

¹¹ <https://nongnghiep.vn/trung-quoc-tiep-tuc-mo-cua-thi-truong-cho-nong-san-chat-luong-cao-cua-viet-nam-d404142.html>



Ngày 28/10/2024, Việt Nam và Các tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE) đã chính thức ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE (Hiệp định CEPA). Quốc gia này có dân số khoảng 10 triệu người, nhưng nhu cầu rất cao về thực phẩm cao cấp, hữu cơ và chuyên biệt, sở thích theo phong cách châu Âu¹². UAE đã xây dựng cảng hàng hóa Jebel Ali, và một loạt các khu thương mại tự do để thu hút các ngành sản xuất và dịch vụ. Theo Hiệp định CEPA, UAE cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với nhiều ngành hàng chủ lực và có tiềm năng xuất khẩu lớn của Việt Nam. Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu trái cây vào Saudi Arabia hay UAE và các nước Trung Đông còn khiêm tốn nhưng đang tăng trưởng tích cực. Các nước này chuộng trái cây có múi, nhiều nước để giải nhiệt như cam, chanh hay dứa tươi, v.v. Thị trường này chỉ yêu cầu có giấy kiểm dịch thực vật và đạt tiêu chuẩn Vietgap. Các điều kiện thông quan và giấy tờ thủ tục thuận lợi hơn rất nhiều.¹³

Vào ngày 27/11/2024¹⁴, phiên họp lần thứ ba của Tổ công tác Việt Nam - Ba Lan về hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp được tổ chức dưới sự đồng chủ trì của Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam Nguyễn Hoàng Hiệp và Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ba Lan Jacek Czerniak. Tại phiên họp lần thứ ba Tổ công tác Việt Nam - Ba Lan, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Việt Nam Nguyễn Hoàng Hiệp đưa ra một số đề xuất. Trong đó, (i) hai bên cần tổ chức thêm các diễn đàn doanh nghiệp và hội chợ nông lâm, thủy sản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hai nước tăng cường kết nối. Việt Nam cũng đề nghị Ba Lan nghiên cứu nhập khẩu rau quả tươi, hoa quả đóng hộp, sản phẩm gỗ và hỗ trợ thực thi Quy định chống phá rừng của EU (EUDR); (ii) Ba Lan sẽ tiếp tục hỗ trợ đào tạo nhân lực, tiếp nhận cán bộ Việt Nam tham gia các chương trình sau đại học trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghệ sau thu hoạch và chế biến hàng nông sản; v.v.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh Việt Nam-Hoa Kỳ với chủ đề "Chính sách và hướng tiếp cận nhằm đảm bảo quan hệ thương mại mang lại lợi ích chung" được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 27/11/2024, diễn ra các cuộc thảo luận bao gồm cả việc đàm phán tiềm năng về Hiệp định Thương mại Tự do (FTA)

¹² <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/28276-rong-cua-xuat-khau-sang-uae>

¹³ <https://tuoitre.vn/rong-cua-cho-hang-viet-vao-trung-dong-20241030075823232.htm>

¹⁴ <https://baochinhphu.vn/thuc-day-hop-tac-nong-nghiep-viet-nam-ba-lan-102241127184423371.htm>



song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Một thỏa thuận như vậy có thể mở đường cho những điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp ở cả hai nước, bao gồm việc giảm thuế đối với các sản phẩm nông nghiệp như trái cây và rau quả, qua đó tăng cường quan hệ thương mại giữa hai nước.¹⁵

2.3. Doanh nghiệp xuất khẩu rau quả

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2024, Việt Nam có trên 2.000 công ty/doanh nghiệp xuất khẩu rau, củ, quả. Giá trị xuất khẩu của Top 20 doanh nghiệp xuất khẩu nhiều nhất chiếm 22,1% tổng giá trị xuất khẩu rau quả của cả năm 2024.

Dưới đây là danh sách 20 doanh nghiệp xuất khẩu rau quả nhiều nhất của Việt Nam năm 2024:

STT	DOANH NGHIỆP
1	Công ty TNHH XNK An Nguyên
2	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam
3	Công ty TNHH MTV XNK Hương Vi
4	Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại KCN Biên Hòa II
5	Công ty CP Thực phẩm Dân Ôn – Chi nhánh Mỹ Phước 3
6	Công ty TNHH trái cây 001
7	Công ty TNHH Thương mại XNK Hoàng Nhất
8	Công ty TNHH MTV trái cây Thủy
9	Công ty TNHH Thương mại XNK Nông sản Thủy Phong
10	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại XNK Nam Phong
11	Công ty TNHH MTV XNK Phan Hợp
12	Công ty TNHH XNK Trường An Việt Nam
13	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Phát Global
14	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre
15	Công ty TNHH MTV XNK Nghĩa Tín
16	Công ty TNHH An Khang
17	Công Ty TNHH Thương Mại Giao Nhận Vận Tải Hnt
18	Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Tiến Nga
19	Công ty Cổ phần XNK Ân Phú Đạt
20	Công ty TNHH Thương mại POW

Nguồn: Tổng cục Hải quan

¹⁵ <https://www.freshplaza.com/asia/article/9684852/vietnam-s-fruit-and-vegetable-imports-rise-15-7-in-2024-us-seeks-tariff-reductions/>



III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH RAU QUẢ TRONG NĂM 2024

3.1. Quốc tế

a. Hoa Kỳ

Ủy ban Công nghiệp Nho Ohio (OGIC) của Hoa Kỳ đã giới thiệu Chương trình Hỗ trợ mở rộng vườn nho (VEAP) để thúc đẩy sản xuất nho ở Ohio.¹⁶ Mục đích tăng cường cung cấp nho chất lượng cao được trồng tại địa phương để hỗ trợ các nhà máy rượu vang ở Ohio, chợ nông sản và các cửa hàng bán lẻ. VEAP cung cấp hỗ trợ tài chính để trang trải chi phí cho cây nho, với những người trồng nho đủ điều kiện có thể nộp đơn xin hỗ trợ lên đến 1.500 USD cho mỗi ½ mẫu Anh (01 arce tương đương 0,4 ha), tối đa là ba mẫu Anh (tương đương 1,2 ha) hoặc 9.000 USD. Nguồn quỹ hạn chế của chương trình sẽ được phân bổ bởi nhóm VEAP, bao gồm các thành viên OGIC, các nhà nghiên cứu OSU và các bên liên quan trong ngành, những người sẽ xem xét các đơn đăng ký và đề xuất các quyết định tài trợ cho OGIC.

b. ASEAN

Thái Lan quy định ngày bắt đầu thu hoạch sầu riêng trong năm 2024¹⁷ theo vùng và theo giống để ngăn chặn tình trạng hái sớm và bán sầu riêng kém chất lượng ra thị trường, duy trì hình ảnh tốt về sầu riêng Thái Lan. Ngoài ra, Thái Lan còn quy định tỷ lệ phần trăm cùi trọng lượng khô được quy định trong các giống sầu riêng, sầu riêng Gradoomthong không được nhỏ hơn 27%, sầu riêng Chanee không được nhỏ hơn 30%, sầu riêng Puangmanee không được nhỏ hơn 30%, và sầu riêng Thángxong không được nhỏ hơn 32%. Trước khi thu hái, nông dân trồng trái cây tại địa phương cần lấy mẫu sầu riêng đến các địa điểm được chỉ định để kiểm nghiệm, đồng thời cấp giấy chứng nhận cho những người vượt qua kiểm tra.

Philippines xác định cà chua chỉnh sửa gen của Nhật Bản là cây trồng thông thường.¹⁸ Do đó Cục Công nghiệp Thực vật (DA-BPI) Philippines đã cấp giấy chứng nhận (JDC No. 01 s.2021) cho quả cà chua chỉnh sửa gen từ Nhật Bản vào tháng 5, xác định cà chua chỉnh sửa gen là một loại cây trồng không biến đổi gen

¹⁶ <https://fruitgrowersnews.com/news/ohio-grape-industries-committee-launches-vineyard-expansion-assistance-program/>

¹⁷ <https://mp.weixin.qq.com/s/NROC7pjWf5KR6zlhcnbrsw>

¹⁸ <https://guojiguoshu.com/article/9242>



(GMO) và do đó không yêu cầu lộ trình quản lý để đánh giá độ an toàn sinh học của sản phẩm này. Đây là loại cây trồng chỉnh sửa gen thứ hai ở Philippines được xác định là không biến đổi gen.

Chính phủ Malaysia đã phân bổ khoảng 2,55 triệu USD (12 triệu RM) cho năm 2025 để tăng cường và hiện đại hóa chuỗi cung ứng hành tây trong nước để tăng khả năng tự cung tự cấp và giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu¹⁹. Dự án này tập trung vào việc phát triển cơ sở hạ tầng như thủy lợi, kho bãi và bảo quản, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho nông dân. Chính phủ đã triển khai một chương trình thí điểm nhiều giai đoạn tại Ladang Bikam, Perak vào ngày 24/1. Giai đoạn đầu tiên của dự án thí điểm này bao gồm nhiều hecta, với năng suất dự kiến là 4 tấn/ha. Theo chương trình này, chính phủ cung cấp các nguồn lực thiết yếu như vật liệu trồng trọt, đào tạo kỹ thuật và hỗ trợ tiếp thị cho nông dân để tạo nền tảng cho việc mở rộng trong tương lai.

c. Hàn Quốc

Theo Cục Quản lý Phát triển Nông thôn Hàn Quốc, tổng diện tích canh tác trong nước của các loại trái cây cận nhiệt đới như xoài và đu đủ của Hàn Quốc đã tăng 1,7 lần từ 109,5 ha năm 2017 lên 188,8 ha năm 2022. Khi tình trạng nóng lên toàn cầu diễn ra và lượng nhập khẩu tăng, các loại trái cây cận nhiệt đới được công nhận là cây trồng thu nhập mới, dẫn đến diện tích canh tác tăng. Tuy nhiên, do nhiệt độ thích hợp để trồng các loại cây trồng này cao hơn các loại cây trồng khác nên gánh nặng chi phí sưởi ấm cho các trang trại là rất lớn.

Để giải quyết vấn đề trên, Cục Quản lý Phát triển Nông thôn Hàn Quốc đã lập một bản đồ chi tiết về nhu cầu tiêu thụ dầu hỏa cho các loại cây trồng khác nhau, bao gồm cả trái cây cận nhiệt đới. Bản đồ được đánh mã màu từ vàng đến đỏ, dựa trên ước tính về mức tiêu thụ dầu hỏa và lượng khí thải carbon của từng loại cây trồng. Mục tiêu là hỗ trợ nông dân lựa chọn cây trồng có hiệu quả kinh tế, chi phí sưởi ấm thấp và phù hợp với chính sách giảm lượng carbon của chính phủ.²⁰

Vào tháng 6, do giá nhiều mặt hàng trái cây tăng liên tục, Chính phủ Hàn Quốc đã gia hạn thời gian miễn thuế đối với 10 loại trái cây nhập khẩu (chuối,

¹⁹ <https://www.thestar.com.my/starpics/2024/11/12/rm12mil-boost-for-onion-supply>

²⁰ <https://www.tridge.com/vi/news/choose-subtropical-crops-that-require-less-heating>



dứa, xoài, bưởi, kiwi, bơ, măng cụt, anh đào, sầu riêng và cam quýt) đến hết 30/9/2024 thay cho thời gian quy định ban đầu là hết tháng 6/2024.²¹

d. EU

Ngày 4/11/2024, Ủy ban Châu Âu ban hành Quy định thực hiện (EU) 2024/2794 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2021/1378 liên quan đến việc công nhận một số tổ chức/đơn vị thực hiện kiểm soát và cấp chứng nhận hữu cơ tại các nước thứ ba đối với các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu vào EU theo Điều 46 của Quy định (EU) 2018/848 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu. Quy định này sửa đổi phụ lục II Quy định thực hiện (EU) 2021/1378 liệt kê một số tổ chức/đơn vị được EU công nhận thực hiện các dịch vụ kiểm soát và cấp chứng nhận hữu cơ đối với các nhóm sản phẩm nhập khẩu vào EU.²²

Ngày 23/9/2024, Ủy ban châu Âu đã đề xuất huy động 120 triệu euro cho nông dân bị ảnh hưởng bởi các sự kiện thời tiết bất lợi ở Bulgaria, Đức, Estonia, Ý và Romania, những người bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng khí hậu bất lợi đặc biệt vào mùa xuân và đầu mùa hè.²³ Một số vùng của Đức, thời tiết sương giá vào tháng 4 đã gây thiệt hại đáng kể cho các vườn cây ăn quả và cây nho sau khi chúng bắt đầu phát triển sau nhiệt độ ôn hòa vào tháng 3. Đối với Estonia, nước này đã phải chịu đựng những điều kiện thời tiết bất thường, từ sương giá và giá lạnh vào tháng 12 và tháng 1 đến nhiệt độ ấm bất thường vào tháng 3, tiếp theo là sương giá và mưa đá và sau đó vào mùa hè, lượng mưa lớn và lũ lụt. Sản lượng cây trồng, đặc biệt là khoai tây, hạt cải dầu, trái cây và rau quả, đã bị ảnh hưởng tiêu cực, v.v.

Ngày 9/7/2024, Ủy ban châu Âu đã đề xuất huy động 77 triệu euro từ quỹ dự trữ nông nghiệp để hỗ trợ nông dân trong ngành trái cây, rau quả và rượu vang của Áo, Séc, Ba Lan²⁴. Đây là những đối tượng gần đây đã phải chịu ảnh hưởng của các hiện tượng khí hậu bất lợi có quy mô chưa từng có, cũng như các nhà sản xuất rượu vang Bồ Đào Nha đang phải đối mặt với tình trạng biến động nghiêm trọng của thị trường. Các đề xuất của Ủy ban, được các quốc gia thành viên chấp nhận, phân bổ 10 triệu Euro cho Áo, 15 triệu Euro cho Séc, 37 triệu Euro cho Ba

²¹ <https://guojiguoshu.com/article/9251>

²² <https://vn-eu-tradehub.com/2024/11/07/eu-ban-hanh-cac-quy-dinh-dieu-chinh-moi-lien-quan-den-cong-nhan-cac-don-vi-chung-nhan-va-cap-chung-nhan-huu-co-nhap-khau-vao-eu/>

²³ https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_24_4785

²⁴ https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_24_3685



Lan và 15 triệu Euro cho Bồ Đào Nha. Các quốc gia này có thể bổ sung hỗ trợ của EU này lên tới 200% bằng các quỹ quốc gia.

Ngày 21/5/2024, Ủy ban Châu Âu đưa ra Quy định (EC) số 2024/1342 sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa (MRL) thiabendazole, đối với một số sản phẩm: bơ, đu đủ; MRL trifloxystrobin đối với Chanh leo, bắp cải, ớt ngọt/ ớt chuông, đậu, rau gia vị; metalaxyl đối với chanh, rau, quả, ... Quy định có hiệu lực từ 11/6/2024.²⁵

Liên minh châu Âu đang nỗ lực để bao bì bền vững hơn và giảm thiểu chất thải ở các quốc gia thành viên. Mục tiêu này được FIA chia sẻ, tuy nhiên, hiệp hội nhấn mạnh rằng việc bảo vệ các sản phẩm dễ hỏng như nấm tươi, bao gồm 90% là nước, vẫn phải là ưu tiên hàng đầu. Kể từ ngày 1/1/2030, lệnh cấm đối với một số loại bao bì nhựa dùng một lần sẽ được đưa ra, bao gồm cả bao bì dành cho trái cây và rau quả tươi chưa qua chế biến có trọng lượng lên đến 1,5 kg. Quy định này sẽ có tác động trực tiếp đến nấm và các loại nấm trồng khác. Quy định (EU) 2023/1234 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng về bao bì và chất thải bao bì đưa ra các hạn chế đối với việc sử dụng một số định dạng bao bì. Đặc biệt, Điều 22 quy định rằng, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2030, các nhà điều hành kinh tế không được đưa ra thị trường bao bì theo các định dạng và cho các mục đích được liệt kê trong Phụ lục V của quy định.²⁶

Phụ lục V quy định các loại bao bì phải chịu hạn chế, bao gồm: Bao bì nhựa dùng một lần cho trái cây và rau quả tươi, chưa qua chế biến có trọng lượng dưới 1,5 kg; bao bì dùng một lần cho thực phẩm và đồ uống dùng ngay trong khuôn viên của ngành H&R (Khách sạn, Nhà hàng, Dịch vụ ăn uống); bao bì dùng một lần cho mỹ phẩm và đồ vệ sinh cá nhân nhỏ dùng trong ngành dịch vụ nhà hàng. Các biện pháp này nhằm mục đích giảm tác động của bao bì đến môi trường và thúc đẩy các giải pháp bền vững hơn. Điều quan trọng là các công ty liên quan phải chuẩn bị tuân thủ các quy định mới này trong thời hạn đã định.

Ủy ban châu Âu đã đăng công báo cập nhật các biện pháp tăng cường kiểm soát chính thức và khẩn cấp tạm thời với hàng hóa nhập vào Liên minh châu Âu

²⁵ <https://vn-eu-tradehub.com/2024/06/24/quy-dinh-moi-cua-eu-ve-mrl-thiabendazole-trifloxystrobin-metalaxyl-doi-voi-mot-so-loai-nong-san/>

²⁶ <https://www.freshplaza.com/europe/article/9679123/the-use-of-plastic-for-fresh-cultivated-mushrooms-according-to-european-regulations/>



(EU) vào ngày 17/1/2024. Cụ thể, trong danh sách EU đưa vào Phụ lục I các sản phẩm phải chịu biện pháp kiểm soát chính thức, ngoài sào riêng của Việt Nam còn có đậu ván/đậu cô ve của Bangladesh (tần suất 20%), lá nho từ Ai Cập (tần suất 20%), chanh dây từ Thái Lan (tần suất 10%), v.v.²⁷

Bộ Tài chính Ba Lan đã tuyên bố kế hoạch ngừng áp dụng mức thuế suất VAT 0% đối với các mặt hàng thực phẩm và có hiệu lực từ ngày 1/4/2024. Quyết định này diễn ra trong bối cảnh tỷ lệ lạm phát giảm và tốc độ tăng giá thực phẩm của Ba Lan đã giảm tốc trong thời gian qua. Thuế suất VAT tiêu chuẩn đối với thực phẩm đã được miễn kể từ ngày 1/2/2022 sẽ được khôi phục về mức 5%. Việc điều chỉnh sắp tới được dự đoán sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến giá của các mặt hàng thực phẩm thiết yếu, bao gồm rau, trái cây, v.v.²⁸

e. Một số quốc gia khác

Bộ Nông nghiệp Kenya đã công bố lệnh cấm thu hoạch mắc-ca theo mùa từ ngày 2/11/2024 đến ngày 1/3/2025.²⁹ Động thái này nhằm mục đích ngăn chặn việc xuất khẩu các loại hạt chưa chín. Lệnh cấm này được đưa ra sau khi tham vấn với các bên liên quan trong ngành, phản ánh nỗ lực của chính phủ nhằm bảo vệ chất lượng hàng xuất khẩu.

Cơ quan Thực phẩm Nông nghiệp Kenya (AFA) đã dỡ bỏ lệnh đình chỉ xuất khẩu bơ từ ngày 1/3/2024 sau khi tạm dừng xuất khẩu vào tháng 11/2023 để đảm bảo uy tín về chất lượng bơ xuất khẩu. Quyết định được đưa ra sau các cuộc khảo sát trên các vùng trồng bơ trọng điểm từ ngày 7-12/1/2024 để đánh giá độ chín và khối lượng quả. Tất cả sản phẩm bơ xuất khẩu phải chịu sự kiểm tra của AFA và Tổng cục Trồng trọt (HCD).³⁰

Nội các Uzbekistan đã đưa ra mức giá xuất khẩu khuyến nghị cho 60 loại trái cây và rau củ nhằm hỗ trợ các nhà xuất khẩu³¹. Tuy nhiên, một số chuyên gia cho rằng, quyết định này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu, gây nguy hiểm cho quan hệ đối tác lâu dài và không tăng được doanh thu thuế hoặc củng cố các nỗ lực điều tiết tiền tệ.

²⁷ <https://tuoitre.vn/vi-sao-sau-rieng-viet-nam-bi-eu-ap-tan-suat-kiem-tra-10-20240124145841639.html>

²⁸ <https://www.agroberichtenbuitenland.nl/actueel/nieuws/2024/03/20/vat-increase-on-food-in-poland>

²⁹ <https://eastleighvoice.co.ke/national/84334/government-bans-macadamia-harvests-until-march-2025-to-curb-immature-exports>

³⁰ <https://nation.africa/kenya/business/relief-for-farmers-as-avocado-exports-resume-on-march-1-4527008>

³¹ <https://timesca.com/mixed-reaction-to-uzbekistans-new-fruit-export-policy/>



Bloom Fresh™ hợp tác với những người trồng nho trên toàn thế giới để cấp phép cho các giống nho của mình và cung cấp hỗ trợ về mặt kỹ thuật, tiếp thị, chất lượng và pháp lý. Vào tháng 6 và tháng 8 năm 2024, công ty đã tổ chức những ngày hội mở đầu tiên tại Vân Nam và Tứ Xuyên, Trung Quốc để giới thiệu danh mục nho của mình cho những người được cấp phép tiềm năng tại Trung Quốc. Để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quyền lợi của bên được cấp phép, công ty đang thực hiện hành động pháp lý đối với các vườn ươm và người trồng sử dụng các giống cây trồng và nhãn hiệu độc quyền của công ty mà không được phép. Công ty đã khởi xướng các hành động hành chính, đột kích, kiện tụng dân sự và các thủ tục gỡ bỏ trực tuyến. Trong hai năm qua, công ty đã kết thúc thành công các vụ kiện thực thi pháp luật ở Vân Nam, Giang Tô, Thiểm Tây, Hà Bắc và Quảng Đông. Với các bên vi phạm phải đối mặt với các hình phạt tài chính và bị ra lệnh loại bỏ bất kỳ cây nho bất hợp pháp nào.

Trái cây vi phạm chất lượng kém ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường trái cây chất lượng cao, được cấp phép, tác động đến giá của những người trồng trọt hợp pháp. Những người vi phạm không nhận được vật liệu thực vật được cấp phép hoặc lợi ích của hệ thống hỗ trợ kỹ thuật và đảm bảo chất lượng. Trái cây vi phạm cũng lừa dối người tiêu dùng vì chất lượng không phù hợp với thông số kỹ thuật của công ty đối với trái cây được cấp phép. Tại Trung Quốc, Bloom Fresh đã đăng ký bản quyền giống cây trồng cho 16 giống nho và nhiều nhãn hiệu đã đăng ký.³²

3.2. Trong nước

a. Thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh thuộc cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị

Phó Thủ tướng Lê Thành Long vừa ký Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 17/8/2024 phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh tại đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá khu vực mốc 1119-1120 và đường chuyên dụng vận chuyển hàng hoá khu vực mốc 1088/2-1089 thuộc cặp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc).³³

Một trong hai loại mặt hàng lựa chọn thực hiện thông quan theo mô hình cửa khẩu thông minh là hàng hoa quả xuất khẩu của Việt Nam và các nước

³² <https://www.freshplaza.com/asia/article/9685571/partnerships-support-growth-for-legal-grape-growers-and-safeguard-intellectual-property-in-china/>

³³ <https://nongnghiep.vn/thi-diem-xay-dung-cua-khau-thong-minh-thuoc-cua-khau-quoc-te-huu-nghi-d396658.html>



ASEAN. Trong thời gian thí điểm tiếp tục trao đổi với phía Trung Quốc mở rộng các mặt hàng xuất nhập khẩu để đảm bảo mục tiêu, hiệu quả của Đề án.

Thời gian thực hiện Đề án từ quý III năm 2024 đến hết quý III năm 2029. Trong đó, giai đoạn 1 (xây dựng cơ sở hạ tầng) từ quý III năm 2024 đến hết quý II năm 2026; giai đoạn 2 (thực hiện thí điểm): từ quý III năm 2026 đến hết quý III năm 2029.

b. Đề án phát triển cây trồng chủ lực và cây ăn quả tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030³⁴

Ngày 2/5/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 535/QĐ-UBND về việc Phê duyệt đề án phát triển cây trồng chủ lực và cây ăn quả tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Mục tiêu chung: Phát triển cây trồng chủ lực, chuyển từ số lượng sang chất lượng, phù hợp thị trường tiêu thụ, theo hướng tập trung, an toàn và bền vững, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ, thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

Mục tiêu cụ thể:

❖ Đến năm 2025:

Diện tích gieo trồng, sản lượng đối với cây trồng chủ lực: rau các loại 18.000 ha, sản lượng 333.000 tấn; dưa 9.520 ha, sản lượng 116.400 tấn (trong đó: dưa xiêm 2.580 ha). Đối với cây ăn quả: Bưởi 1.000 ha, sản lượng 4.180 tấn; xoài 1.270 ha, sản lượng 5.290 tấn.

- Đối với cây ăn quả: Diện tích sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết 250 ha; diện tích trồng mới, trồng tái canh 600 ha; tỷ lệ sử dụng giống đạt tiêu chuẩn 70%, diện tích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương) 200 ha; diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm 1.000 ha.

- Giá trị sản xuất 01 ha canh tác trồng trọt 130 triệu đồng/ha (trong đó cây hàng năm là 128 triệu đồng và cây ăn quả là 140 triệu đồng).

³⁴ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyet-dinh-1535-QD-UBND-2024-phat-trien-cay-trong-chu-luc-cay-an-qua-Binh-Dinh-den-2025-609283.aspx>



❖ Đến năm 2030:

- Diện tích gieo trồng, sản lượng đối với cây trồng chủ lực: rau các loại 18.500 ha, sản lượng 360.000 tấn; dưa 10.000 ha, sản lượng 118.100 tấn (trong đó: dưa xiêm khoảng 3.000 ha). Đối với cây ăn quả: Bưởi 1.700 ha, sản lượng 9.180 tấn; xoài 1.500 ha, sản lượng 6.730 tấn.

- Đối với cây ăn quả: Diện tích sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết trên 500 ha; diện tích trồng mới, trồng tái canh 1.000 ha; tỷ lệ sử dụng giống đạt tiêu chuẩn 80%, diện tích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương) 500 ha; diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên 2.000 ha.

- Giá trị sản xuất 01 ha canh tác trồng trọt 160 triệu đồng/ha (trong đó đối với cây hàng năm là 155 triệu đồng và cây ăn quả là 180 triệu đồng).

c. Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long³⁵

Ngày 13/8/2024, UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 1571/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 tại tỉnh Vĩnh Long.

Mục tiêu chung: Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh, góp phần tiêu dùng của khu vực và xuất khẩu, phát triển bền vững ngành hàng rau; góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Mục tiêu cụ thể đối với cây ăn quả đến năm 2030:

- Sản lượng rau trên địa bàn tỉnh đạt 1,0 triệu tấn; trong đó, sản lượng rau phục vụ chế biến khoảng 30.000 tấn.

- Trên 95% số mẫu rau được thanh tra, kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn.

³⁵ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyet-dinh-1571-QD-UBND-2024-Ke-hoach-Phat-trien-cac-vung-san-xuat-rau-an-toan-tap-trung-Vinh-Long-622935.aspx>



- Tỷ lệ diện tích rau an toàn, tập trung, đảm bảo truy xuất nguồn gốc chiếm khoảng 30% tổng diện tích gieo trồng rau cả tỉnh.

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu rau của tỉnh là 30 triệu USD.

d. Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Long An³⁶

Ngày 19/11/2024, Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An ký Quyết định số 11981/QĐ-UBND Phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Long An.

Mục tiêu chung: Phát triển trồng trọt thành ngành kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh, chuyên nghiệp, tích hợp đa giá trị sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, gia tăng giá trị xuất khẩu, v.v.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt bình quân trên 2%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt bình quân trên 6%/năm.

- Đảm bảo tưới chủ động trên 80% diện tích đất chuyên trồng lúa; 70% diện tích cây trồng cạn được tưới, trong đó phấn đấu đạt từ 30% trở lên diện tích áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương,...) phấn đấu đạt từ 10% trở lên, trồng trọt hữu cơ khoảng 1-2%. Tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết phấn đấu đạt trên 30%.

- Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất trồng trọt đạt 120-150 triệu đồng.

- Phấn đấu 100% diện tích vùng trồng cây ăn quả sản xuất tập trung được tập huấn, hướng dẫn về công tác thiết lập mã số vùng trồng theo quy định; trong đó có trên 90% diện tích vùng trồng cây ăn quả chủ lực (thanh long, chanh, sầu riêng, mít,...) được cấp mã số vùng trồng nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm tại thị trường trong nước và phục vụ xuất khẩu.

Tầm nhìn đến năm 2050

³⁶ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyet-dinh-11981-QD-UBND-2024-Ke-hoach-thuc-hien-Chien-luoc-phat-trien-trong-trot-Long-An-633392.aspx>



Phấn đấu đến năm 2050, trồng trọt trở thành ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại; phát triển ngành trồng trọt chuyên canh bền vững và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh, đạt hiệu quả cao gắn với ngành công nghiệp chế biến nông sản. Các sản phẩm ngành trồng trọt được sản xuất theo nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường.

e. Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa³⁷

Ngày 23/10/2024, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Kế hoạch số 2743/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Mục tiêu chung: Phát triển cây công nghiệp chủ lực (dừa, điều) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 theo hướng hàng hóa, phát triển bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả sản xuất, đời sống cư dân nông thôn và bảo vệ môi trường.

Mục tiêu cụ thể:

- Duy trì và phát triển diện tích cây dừa, điều toàn tỉnh đến năm 2030 đạt trên 4.500 ha; sản lượng dừa đạt 7.500 tấn, sản lượng điều đạt 3.600 tấn.

- 100% diện tích cây công nghiệp chủ lực trồng tập trung có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, được cấp mã số vùng trồng nội địa hoặc được đề nghị cấp mã số vùng trồng xuất khẩu theo đề nghị của cá nhân, tổ chức có nhu cầu.

IV. TRIỂN VỌNG NGÀNH RAU QUẢ

4.1. Hiện trạng tiêu dùng thế giới

Rau, quả là thành phần không thể thiếu trong một chế độ ăn lành mạnh. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) khuyến nghị tăng tiêu thụ trái cây và rau quả để giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch, ung thư, suy giảm nhận thức và các bệnh liên quan đến chế độ ăn uống khác, cũng như để phòng ngừa tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng³⁸. Theo WHO, mỗi người trưởng thành nên tiêu thụ 400 gam rau quả

³⁷ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyết-dinh-2743-QĐ-UBND-2024-De-an-phat-trien-cay-cong-nghiep-chu-luc-Khanh-Hoa-630884.aspx>

³⁸ Rodriguez-Casado A. The Health Potential of Fruits and Vegetables Phytochemicals: Notable Examples. Crit Rev Food Sci Nutr. 2016;56(7):1097-1107. doi:10.1080/10408398.2012.755149



(5 phần ăn) mỗi ngày để có sức khỏe và dinh dưỡng tối ưu³⁹. Một số nước đưa ra khuyến nghị cao hơn so với ngưỡng của WHO, như Nhật Bản khuyến nghị 520 - 620g rau quả/người/ngày (trong đó, 350 - 420g rau và 200g quả), Trung Quốc khuyến nghị là 500 - 850g rau quả/ngày (trong đó 300 -500g rau và 200 - 350g quả)⁴⁰. Tại Việt Nam, tổng lượng rau quả khuyến nghị tiêu thụ trung bình một ngày của người trưởng thành theo tháp dinh dưỡng là 240 - 320 gam đối với rau và 240 gam đối với trái cây, cao hơn khuyến nghị của WHO. Bên cạnh lượng tiêu thụ, còn cần chú ý đến tính đa dạng của rau quả tiêu thụ do thực tế là từng loại trái cây và rau quả không có giá trị dinh dưỡng đồng đều⁴¹. Các nhóm rau được khuyến nghị tiêu thụ theo màu sắc là rau lá xanh, rau màu đỏ và vàng (Kenya)⁴²; rau xanh đậm và rau màu cam (Canada)⁴³.

Tuy nhiên, trên thế giới, lượng tiêu thụ rau quả vẫn thấp hơn nhu cầu khuyến nghị của WHO (5 phần ăn), đặc biệt tại các quốc gia thu nhập thấp (2,14 phần ăn) và thu nhập trung bình (3,17 phần ăn)⁴⁴. Khả năng chi trả được coi là rào cản quan trọng đối với việc tiêu thụ trái cây và rau quả, vì rau quả được coi là đắt nhất trong chế độ ăn ở các nước thu nhập thấp và trung bình^{45,46}. Hơn 80% người dân từ 15 tuổi trở lên, tại 28 nước thu nhập thấp và trung bình tiêu thụ lượng trái cây và rau quả thấp hơn mức khuyến nghị⁴⁷.

Tại châu Á, mặc dù rau, quả sẵn có và đủ để đáp ứng nhu cầu hằng ngày của người dân, nhưng tần suất tiêu thụ trái cây hằng ngày đặc biệt thấp ở Nam và Đông Á⁴⁸. Tại Việt Nam, 60% người dân từ 18–69 tuổi không đáp ứng nhu cầu khuyến nghị của WHO về tiêu thụ rau quả và 70% hộ gia đình có thu nhập thấp

³⁹ Pollard C, Miller M, Woodman RJ, Meng R, Binns C. Changes in Knowledge, Beliefs, and Behaviors Related to Fruit and Vegetable Consumption Among Western Australian Adults from 1995 to 2004. *Am J Public Health*. 2009;99(2):355-361. doi:10.2105/AJPH.2007.131367

⁴⁰ Tuấn Thị Mai Phương (2021), Tiêu thụ rau quả theo khuyến nghị của WHO để phòng bệnh tật, <https://suckhoedoisong.vn/tieu-thu-rau-qua-theo-khuyen-nghi-cua-who-de-phong-benh-tat-169190439.htm>

⁴¹ <https://www.mdpi.com/2071-1050/15/21/15512>

⁴² Food-based dietary guidelines - Kenya. Food and Agriculture Organization of the United Nations. <http://www.fao.org/nutrition/education/fooddietary-guidelines/regions/kenya/en/>

⁴³ Food-based dietary guidelines - Canada. Food and Agriculture Organization of the United Nations. <http://www.fao.org/nutrition/education/fooddietary-guidelines/regions/canada/en/>

⁴⁴ Miller V, Yusuf S, Chow CK, et al. Availability, affordability, and consumption of fruits and vegetables in 18 countries across income levels: findings from the Prospective Urban Rural Epidemiology (PURE) study. *Lancet Glob Health*. 2016;4(10):e695-703. doi:10.1016/S2214-109X(16)30186-3

⁴⁵ Ngô Thị Hà Phương, Trương Tuyết Mai, Huỳnh Nam Phương, Trịnh Hồng Sơn (2024), Một số yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ rau quả tại một số nước trên thế giới và Việt Nam, *Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm* 20(6)-2024

⁴⁶ Hirvonen K, Bai Y, Headey D, Masters WA. Affordability of the EAT–Lancet reference diet: a global analysis. *Lancet Glob Health*. 2020;8(1):e59-e66. doi:10.1016/S2214-109X(19)30447-4

⁴⁷ Frank SM, Webster J, McKenzie B, et al. Consumption of Fruits and Vegetables Among Individuals 15 Years and Older in 28 Low- and Middle-Income Countries. *J Nutr*. 2019;149(7):1252-1259. doi:10.1093/jn/nxz040

⁴⁸ Beal T, Morris SS, Tumilowicz A. Global Patterns of Adolescent Fruit, Vegetable, Carbonated Soft Drink, and Fast-Food Consumption: A Meta-Analysis of Global School-Based Student Health Surveys. *Food Nutr Bull*. 2019;40(4):444-459. doi:10.1177/0379572119848287



không đủ khả năng chi trả chế độ ăn uống lành mạnh ở mức rẻ nhất, bao gồm rau quả⁴⁹.

Tại thị trường EU, Interfel⁵⁰ đã thực hiện một cuộc khảo sát ý kiến về việc tiêu thụ rau quả tại 5 quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu (Pháp, Đức, Ý, Hà Lan và Tây Ban Nha). Kết quả cho thấy phần lớn người được hỏi ở 5 quốc gia bày tỏ mong muốn ăn nhiều trái cây và rau quả hơn (81%), 64% số người được hỏi muốn hướng tới chế độ ăn nhiều trái cây, rau và ngũ cốc hơn. Tuy nhiên, ở cả 5 quốc gia, giá cả được coi là rào cản chính đối với việc tăng cường tiêu dùng. Cụ thể, 50% số người được hỏi ở 5 quốc gia cho rằng giá là trở ngại chính đối với việc tiêu thụ rau quả, 29% cho rằng không dễ để tìm được trái cây và rau quả ngon. Các loại rau được yêu thích lần lượt là bông cải xanh (12%), rau diếp (10%) và cà chua (8%). Đối với hoa quả, táo giành được nhiều phiếu bầu nhất (19%), tiếp theo là chuối (16%) và dâu tây (11%).

4.2. Dự báo xu hướng tiêu dùng rau quả thế giới

Quy mô thị trường nguyên liệu rau quả đã tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây, ước đạt 236,06 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 1580,84 tỷ USD vào năm 2031 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 5,14% từ năm 2024 đến năm 2031.⁵¹

Người tiêu dùng ngày càng nhận thức hơn về lợi ích sức khỏe của việc tiêu thụ sản phẩm tươi. Ngoài ra, thu nhập khả dụng tăng ở nhiều khu vực dẫn đến chi tiêu cao hơn cho các sản phẩm thực phẩm chất lượng. Tuy nhiên, sự biến động theo mùa trong nguồn cung do điều kiện thời tiết và thách thức thực nông nghiệp có thể thay đổi về giá cả và tính khả dụng, tác động đến cả người sản xuất và tiêu dùng. Hiện nay, với những tiến bộ trong công nghệ sản xuất, vận chuyển và lưu trữ và xu hướng tăng đối với sản phẩm hữu cơ, v.v. tạo ra các phân khúc mới cho thị trường tiêu thụ trái cây và rau quả. Cụ thể

+ Tiêu thụ tươi vẫn là động lực quan trọng của thị trường, với người tiêu dùng ngày càng ưu tiên sản phẩm tươi trong chế độ ăn uống của họ do giá trị dinh dưỡng và lợi ích sức khỏe. Nhu cầu về trái cây và rau quả tươi này được thúc đẩy

⁴⁹ Ngô Thị Hà Phương, Trương Tuyết Mai, Huỳnh Nam Phương, Trịnh Hồng Sơn (2024), Một số yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ rau quả tại một số nước trên thế giới và Việt Nam, Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm 20(6)-2024

⁵⁰ <https://www.freshplaza.com/europe/article/9607014/europeans-favorite-fruit-and-vegetables-and-challenges-for-consumption/>

⁵¹ <https://www.verifiedmarketresearch.com/product/fresh-fruits-and-vegetables-market/>



bởi nhận thức ngày càng tăng về tầm quan trọng của chế độ ăn uống cân bằng và mong muốn về thực phẩm tự nhiên, chưa qua chế biến.

+ Tiêu thụ trái cây và rau quả chế biến được thúc đẩy bởi các yếu tố như nhu cầu về thực phẩm tiện lợi và sự phổ biến của các sản phẩm trái cây và rau quả chế biến. Quy mô thị trường trái cây và rau quả chế biến ước đạt 74.137 triệu USD vào năm 2024 và dự báo sẽ đạt 101.462 triệu USD vào năm 2032, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 4%. Lối sống bận rộn đã khiến nhiều người tiêu dùng thay đổi sở thích hướng đến các sản phẩm chế biến sẵn tiện lợi, như rau củ đã được cắt, rửa sẵn, hoặc đã được nấu chín đang ngày càng trở nên phổ biến. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng ở nhiều quốc gia kéo theo sự gia tăng dân số thành thị cũng là yếu tố thúc đẩy nhu cầu về thực phẩm tiện lợi tăng cao. Thu nhập khả dụng của người dân tăng lên, đặc biệt ở các khu vực đang phát triển, khiến người tiêu dùng sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn cho các sản phẩm chế biến tiện lợi và có giá cao hơn, trong đó có trái cây và rau quả chế biến.⁵² Các sản phẩm chế biến chính bao gồm: nước ép, đồ hộp, đông lạnh và đồ ăn nhẹ. Ngoài ra, những tiến bộ trong công nghệ chế biến giúp nhà sản xuất phát triển các sản phẩm sáng tạo đáp ứng sở thích thay đổi của người tiêu dùng và xu hướng ăn kiêng.⁵³

4.3. Dự báo xu thế sản xuất của Việt Nam

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề ra nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 là tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các đề án, kế hoạch tái cơ cấu ngành, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả. Bao gồm:

- Triển khai mạnh mẽ các hoạt động liên quan đến EUDR.
- Tiếp tục xây dựng các quy trình canh tác như: tập trung tái canh vườn cây đã hết tuổi khai thác; ...
- Tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn gắn với phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản: Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, phát triển chuỗi giá trị. Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết tại vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở hợp đồng; tạo điều kiện cấp chứng nhận chất lượng

⁵² <https://www.credenceresearch.com/report/processed-fruits-and-vegetables-market>

⁵³ <https://www.futuredatastats.com/fruits-and-vegetables-market>



và truy xuất nguồn gốc; Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại sản phẩm cho vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, chọn tạo, nhập nội, chuyên giao các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh; thích ứng biến đổi khí hậu và đáp ứng với yêu cầu đa dạng hóa thị trường. Bảo tồn, phục tráng, khai thác và phát triển giống cây trồng bản địa, đặc hữu giá trị kinh tế cao, gắn với vùng sinh thái và chỉ dẫn địa lý. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống theo hướng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh liên kết công tư trong cung ứng hạt giống, cây giống có chất lượng, sạch bệnh.

- Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị trước hết đối với sản phẩm chủ lực tại các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn. Hình thành, phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh tại một số vùng sản xuất tập trung nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, thương mại của hàng nông sản. Phát triển công nghệ bảo quản giảm tổn thất nông sản cả về số lượng, chất lượng và giá trị, phổ biến áp dụng bảo quản lạnh.

- Thúc đẩy chuyên đổi số trong lĩnh vực trồng trọt: xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt. Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh trồng trọt (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...). Phát triển quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Định hướng phát triển sản xuất rau quả trong năm 2025:

+ Rau: Tăng diện tích gieo trồng lên 1,035 triệu ha, sản lượng 19,975 triệu tấn. Phát triển sản xuất rau theo hướng nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, xây dựng các vùng sản xuất rau tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ; phân đấu thâm canh tăng năng suất, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Sản xuất theo yêu cầu của thị trường; tập trung phát triển một số loại rau có giá trị kinh tế và lợi thế cạnh tranh cao như cà chua, dưa chuột, bắp cải, khoai tây, nấm, hành tỏi; tăng cường bảo quản, chế biến giảm tổn thất sau thu hoạch.

+ Tăng diện tích cây ăn quả lên 1,305 triệu ha; trong đó một số cây ăn quả chủ lực như: Cây Chuối 163,5 ngàn ha, sản lượng 2,75 triệu tấn; xoài 118,5 ngàn



ha, sản lượng 1,1 triệu tấn; cam 85,4 ngàn ha, sản lượng khoảng 1,67 triệu tấn; bưởi 110 ngàn ha, sản lượng 1,2 triệu tấn; vải 55,5 ngàn ha, sản lượng 350 ngàn tấn; nhãn 83,5 ngàn ha, sản lượng 680 ngàn tấn; thanh long 56 ngàn ha, sản lượng 1,25 triệu tấn; sầu riêng 160 ngàn ha, sản lượng 1,55 triệu tấn; dứa 55 ngàn ha, sản lượng 850 ngàn tấn; chôm chôm 22 ngàn ha, sản lượng 360 ngàn tấn; mít 82,5 ngàn ha, sản lượng 1,1 triệu tấn.

Trong những năm gần đây, sản phẩm rau quả chế biến của Việt Nam ngày càng được thị trường quốc tế ưa chuộng. Theo Tổng cục Hải quan, trong 10 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu đạt gần 1,1 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước⁵⁴. Dù tốc độ tăng trưởng thấp hơn rau quả tươi, nhưng chế biến giúp tăng giá trị sản phẩm gấp 3 - 4 lần so với rau quả tươi, kéo dài thời gian bảo quản, giúp nông dân tránh được cảnh "được mùa mất giá". Tuy nhiên, với 150 nhà máy chế biến có dây chuyền công nghệ hiện đại và khoảng 7.500 cơ sở chế biến bảo quản trái cây, rau củ nhỏ trên cả nước, ngành chế biến mới chỉ đáp ứng được từ 10-17% sản lượng rau quả/năm. Số còn lại rau quả xuất khẩu chưa qua chế biến và tiêu thụ vẫn ở dạng tươi hoặc sơ chế bảo quản là chủ yếu, khiến tổn thất sau thu hoạch của ngành rau quả còn khá cao, tới trên 20% trong tổng sản lượng⁵⁵. Tỷ trọng chế biến còn thấp trong khi nhu cầu tiêu thụ rau quả chế biến trên thế giới được dự báo gia tăng cho thấy rau quả chế biến là dòng sản phẩm còn nhiều dư địa tăng trưởng trong thời gian tới. Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, tăng tỷ trọng rau quả chế biến sẽ là một hướng đi được các nhà sản xuất rau quả tại Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp lớn chú ý trong những năm tới.

⁵⁴ <https://giaothuong.congthuong.vn/xuat-khau-rau-qua-che-bien-cua-viet-nam-tang-nhe-363294.html>

⁵⁵ <https://vneconomy.vn/can-tang-ty-trong-che-bien-de-thuc-day-tieu-thu-san-pham-cay-an-qua.htm>

Bản tin được tổng hợp từ các nguồn:

[1]. FAOSTAT	https://www.fao.org/faostat/en/
[2]. Tổng cục Thống kê	https://www.gso.gov.vn/
[3]. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ	https://www.fsa.usda.gov/
[4]. Bộ Công thương	https://moit.gov.vn/
[5]. Bộ Nông nghiệp & PTNT	http://www.mard.gov.vn
[6]. Tổng cục Hải Quan	https://www.customs.vn

Báo cáo được thực hiện bởi **AGRO@NFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn